



BÙI VĂN HỒNG (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN THỊ CẨM VÂN (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ LƯƠNG – PHAN NGUYỄN TRÚC PHƯƠNG
ĐÀO VĂN PHƯƠNG – NGUYỄN PHƯỚC SƠN – NGUYỄN THỊ THUY

CÔNG NGHỆ

Định hướng nghề nghiệp

SÁCH GIÁO VIÊN

9



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI VĂN HỒNG (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN THỊ CẨM VÂN (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ LỮƠNG – PHAN NGUYỄN TRÚC PHƯƠNG
ĐÀO VĂN PHƯỢNG – NGUYỄN PHƯỚC SƠN – NGUYỄN THỊ THUY

CÔNG NGHỆ

Định hướng nghề nghiệp

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên Công nghệ 9 thuộc bộ sách **Chân trời sáng tạo** được biên soạn song hành với sách giáo khoa Công nghệ 9, gồm 4 cuốn:

- Sách giáo viên Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp.
- Sách giáo viên Công nghệ 9 – Trải nghiệm nghề nghiệp – Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà.
- Sách giáo viên Công nghệ 9 – Trải nghiệm nghề nghiệp – Mô đun Cắt may.
- Sách giáo viên Công nghệ 9 – Trải nghiệm nghề nghiệp – Mô đun Nông nghiệp 4.0.

Sách giáo viên Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp là tài liệu dùng cho các giáo viên dạy môn Công nghệ 9 nhằm mục đích:

- Diễn giải những ý tưởng sư phạm thể hiện trong sách học sinh **Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp**, giúp giáo viên có định hướng trong việc thiết kế bài giảng cũng như xác định các yêu cầu cần đạt trong quá trình tổ chức dạy học.
- Gợi ý phương án dạy học từng nội dung cụ thể để giáo viên tổ chức hoạt động dạy học nhằm đảm bảo tốt nhất việc hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực đã được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình môn học.
- Cung cấp một số thông tin giúp giáo viên có thêm nguồn tham khảo để mở rộng bài dạy.

Sách giáo viên Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp gồm hai phần:

Phần A. Hướng dẫn chung

Phần này giúp giáo viên nắm vững mục tiêu môn học, ý tưởng xây dựng nội dung chủ đề, ý tưởng biên soạn sách giáo khoa, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, cách đánh giá kết quả học tập của học sinh trong cả chương trình môn Công nghệ 9.

Phần B. Hướng dẫn giảng dạy cụ thể

Phần này đưa ra các gợi ý chi tiết về phương án tổ chức hoạt động dạy học từng chủ đề của phần Định hướng nghề nghiệp nhằm tạo thuận lợi cho giáo viên trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh. Trên cơ sở những hướng dẫn này, giáo viên có thể vận dụng linh hoạt và sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và đối tượng học sinh.

Sách giáo viên Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp được biên soạn với mong muốn sẽ là tài liệu hướng dẫn hữu ích, giúp giáo viên giảng dạy hiệu quả môn Công nghệ 9. Trong quá trình biên soạn, khó tránh khỏi những thiếu sót, các tác giả rất mong nhận được sự góp ý quý báu từ quý thầy cô để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

A. HƯỚNG DẪN CHUNG.....5

I. Mục tiêu của chương trình môn Công nghệ lớp 95

II. Phân phối chương trình môn Công nghệ lớp 9.....6

III. Giới thiệu sách giáo khoa Công nghệ 98

IV. Một số vấn đề cần lưu ý khi thực hiện chương trình môn Công nghệ 9 10

B. HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY CỤ THỂ 13

Chủ đề 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. 13

Chủ đề 2. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân..... 21

Chủ đề 3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam..... 28

Chủ đề 4. Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. 40

Dự án. Nghề nghiệp tương lai của em..... 48

Ôn tập. 52

Chân trời Sáng tạo

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 9

Mục tiêu chung của giáo dục công nghệ phổ thông là giúp học sinh (HS) học tập và làm việc hiệu quả trong môi trường công nghệ ở gia đình, nhà trường và xã hội; hình thành và phát triển các năng lực công nghệ; chuẩn bị tri thức nền tảng để theo học các ngành nghề thuộc các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. Trong đó, giáo dục công nghệ ở cấp Trung học cơ sở giúp HS có được những tri thức, kỹ năng về công nghệ trong phạm vi gia đình; những nguyên lý cơ bản về các quá trình sản xuất chủ yếu; hiểu biết ban đầu về tư duy thiết kế; phương pháp lựa chọn nghề cùng với thông tin về nghề nghiệp thuộc các lĩnh vực sản xuất chủ yếu thông qua các mạch nội dung: Công nghệ trong gia đình; Nông – Lâm nghiệp, Thủy sản; Công nghiệp, Thiết kế kỹ thuật, Hướng nghiệp. Cùng với các môn học khác, môn Công nghệ góp phần thúc đẩy giáo dục STEM, một trong những xu hướng giáo dục đang được coi trọng ở nhiều quốc gia trên thế giới và đang được quan tâm thích đáng trong giáo dục phổ thông tại Việt Nam.

Môn Công nghệ 9 có mục tiêu trang bị cho HS những tri thức cơ bản về nghề nghiệp và những trải nghiệm nghề nghiệp thông qua các mô đun trong lĩnh vực Công nghiệp, Nông nghiệp, Dịch vụ như: Lắp đặt mạng điện trong gia đình, Cắt may, Nông nghiệp 4.0, góp phần giúp HS lựa chọn được hướng đi phù hợp sau trung học cơ sở. Qua đó, môn học thể hiện mạch nội dung giáo dục công nghệ và hướng nghiệp, góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực chung cốt lõi theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Nội dung các mô đun hướng dẫn HS những kiến thức, kỹ năng cơ bản của những ngành nghề trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ phục vụ cho các hoạt động và nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Chính vì vậy, nội dung các chủ đề có tính thực tiễn cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học, công nghệ, kỹ thuật.

Chương trình giáo dục công nghệ phổ thông tuân thủ quan điểm định hướng phát triển năng lực của Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Ở môn Công nghệ 9, định hướng dạy học phát triển năng lực với mô hình năng lực đặc thù của môn học tiếp tục được thể hiện xuyên suốt trong mỗi nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá của giáo viên (GV) và HS. Năng lực công nghệ được hình thành và phát triển thông qua hoạt động dạy học trong mỗi mạch nội dung, chủ đề cụ thể.

Theo mô hình năng lực công nghệ, môn Công nghệ 9 với các mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà, Nông nghiệp 4.0, Cắt may có mục tiêu giúp HS:

1. Về hiểu biết công nghệ

- Nhận thức được nghề nghiệp có liên quan đến một số lĩnh vực sản xuất chủ yếu và dịch vụ trong nền kinh tế của Việt Nam như: Lắp đặt mạng điện trong nhà, Cắt may, Nông nghiệp 4.0.
- Nhận thức được nội dung cơ bản về nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- Tóm tắt được các tri thức, kỹ năng cơ bản của một số quá trình kỹ thuật, công nghệ có tính phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân.

2. Về giao tiếp công nghệ

- Biểu diễn được vật thể hay ý tưởng thiết kế bằng các hình biểu diễn cơ bản.
- Đọc được các bản vẽ, kí hiệu, quy trình công nghệ thuộc các lĩnh vực điện gia dụng, nông nghiệp, cắt may.

3. Về sử dụng công nghệ

- Đọc được tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị, sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình.
- Sử dụng được đúng cách, hiệu quả các dụng cụ đo điện, dụng cụ lắp đặt mạng điện trong nhà, dụng cụ cắt may, dụng cụ lắp đặt mạch điện ứng dụng công nghệ tưới tiêu tự động.
- Phát hiện, đề xuất được giải pháp xử lý các tình huống mất an toàn cho mạng điện trong nhà, mạch điện ứng dụng công nghệ tưới tiêu tự động.
- Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản trong lắp đặt mạng điện trong nhà, cắt may, lắp đặt mạch điện ứng dụng công nghệ tưới tiêu tự động.

4. Về đánh giá công nghệ

- Đưa ra được nhận xét cho các mạch điện trong nhà, mạch điện ứng dụng công nghệ tưới tiêu tự động, trang phục về chức năng, độ bền, tính thẩm mỹ, tính hiệu quả và an toàn khi sử dụng.
- Lựa chọn được trang phục, thiết bị lắp đặt mạng điện trong nhà, thiết bị lắp đặt mạch điện tưới tiêu tự động phù hợp trên cơ sở các tiêu chí đánh giá sản phẩm.

5. Về thiết kế kỹ thuật

- Phát hiện được nhu cầu, vấn đề cần giải quyết trong bối cảnh cụ thể của mạng điện trong nhà, mạch điện tưới tiêu tự động, trang phục.
- Đề xuất được giải pháp và tạo được sản phẩm mạng điện trong nhà, mạch điện ứng dụng công nghệ tưới tiêu tự động, trang phục đơn giản dựa trên quy trình thiết kế kỹ thuật và kiến thức, kỹ năng về công nghệ.

II. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 9

Chương trình môn Công nghệ lớp 9 được thiết kế với các nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình môn học đã được ban hành. Với tổng số 52 tiết của môn học cho hai phần Định hướng nghề nghiệp và Trải nghiệm nghề nghiệp, cấu trúc các nội dung cụ thể của mỗi phần được gợi ý như sau:

PHẦN 1. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP – 17 TIẾT (13 tiết bài học + 2 tiết dự án + 1 tiết ôn tập + 1 tiết kiểm tra)		
Chủ đề 1.	Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	3 tiết
Chủ đề 2.	Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân	2 tiết
Chủ đề 3.	Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam	4 tiết
Chủ đề 4.	Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	4 tiết
Dự án.	Nghề nghiệp tương lai của em	2 tiết
Ôn tập		1 tiết
Kiểm tra		1 tiết
PHẦN 2. TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP – 35 TIẾT		
Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà (32 tiết bài học + 1 tiết ôn tập + 2 tiết kiểm tra)		
Chủ đề 1.	Thiết bị đóng, cắt và lấy điện trong gia đình	2 tiết
Chủ đề 2.	Dụng cụ đo điện cơ bản	4 tiết
Chủ đề 3.	Thiết kế mạng điện trong nhà	4 tiết
Chủ đề 4.	Thiết bị, vật liệu, dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà	3 tiết
Chủ đề 5.	Tính toán chi phí cho mạng điện trong nhà đơn giản	2 tiết
Chủ đề 6.	Thực hành lắp đặt mạng điện trong nhà	15 tiết
Chủ đề 7.	Một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà	2 tiết
Ôn tập		1 tiết
Kiểm tra		2 tiết
Mô đun Cắt may (32 tiết bài học + 1 tiết ôn tập + 2 tiết kiểm tra)		
Chủ đề 1.	Lựa chọn trang phục	4 tiết
Chủ đề 2.	Bản vẽ cắt may	3 tiết
Chủ đề 3.	Thực hành cắt may trang phục	22 tiết
Chủ đề 4.	Ngành nghề liên quan đến cắt may thời trang	3 tiết
Ôn tập		1 tiết
Kiểm tra		2 tiết
Mô đun Nông nghiệp 4.0 (32 tiết bài học + 1 tiết ôn tập + 2 tiết kiểm tra)		
Chủ đề 1.	Mô hình nông nghiệp công nghệ cao	5 tiết
Chủ đề 2.	Một số cảm biến thông dụng trong nông nghiệp	5 tiết
Chủ đề 3.	Thiết kế mạch điện ứng dụng công nghệ tưới tiêu tự động trong trồng trọt	6 tiết
Chủ đề 4.	Thực hành lắp đặt mạch điện ứng dụng công nghệ tưới tiêu tự động trong trồng trọt	12 tiết
Chủ đề 5.	Xu thế phát triển của nền nông nghiệp công nghệ cao	4 tiết
Ôn tập		1 tiết
Kiểm tra		2 tiết

III. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 9

3.1. Cấu trúc chung sách giáo khoa Công nghệ 9

Sách giáo khoa (SGK) Công nghệ 9 (Định hướng nghề nghiệp và Trải nghiệm nghề nghiệp) được biên soạn bám sát quan điểm chung của bộ sách Chân trời sáng tạo, đảm bảo thể hiện đặc trưng của bộ môn Công nghệ là thực tiễn và sáng tạo. Các nội dung trong sách được thiết kế trọn vẹn theo chủ đề, giúp GV linh hoạt hơn trong việc tổ chức giảng dạy để phù hợp với thực tế của lớp học.

Cấu trúc chung SGK Công nghệ 9 bao gồm các thành phần cơ bản: *Hướng dẫn sử dụng sách*, *Lời nói đầu*, *Mục lục*, *Nội dung chính*, *Bảng giải thích thuật ngữ*. Theo đó:

- *Hướng dẫn sử dụng sách*: Giới thiệu ngắn gọn về các thành phần của bài học, nội dung, ý nghĩa của các hoạt động chủ yếu của HS.
- *Lời nói đầu*: Giới thiệu ngắn gọn những thông điệp mà nhóm tác giả gửi gắm qua quyển sách, đồng thời hướng dẫn GV về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá.
- *Mục lục*: Thể hiện trình tự sắp xếp các bài học và số trang bắt đầu bài học để người đọc dễ dàng tra cứu.
- *Nội dung chính*: Giới thiệu các bài học với nội dung kiến thức đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.
- *Giải thích thuật ngữ*: Chọn lọc và giải thích những thuật ngữ chuyên môn quan trọng nhưng chưa được giải thích trong nội dung bài học.

Nội dung chính của sách được thiết kế thành các chủ đề theo nội dung của chương trình môn Công nghệ 9. SGK Công nghệ 9 được biên soạn theo hướng mở, cho phép GV có thể thay đổi các đối tượng, sản phẩm công nghệ trong quá trình tổ chức giảng dạy tùy theo tình hình thực tế của lớp học mà không làm ảnh hưởng đến mạch kiến thức của môn học.

Ở mỗi phần Định hướng nghề nghiệp hay Trải nghiệm nghề nghiệp, nội dung kiến thức được cấu trúc gồm các thành phần:

- *Các chủ đề*: Trình bày những chỉnh thể kiến thức, kỹ năng, thái độ, liên quan trực tiếp đến yêu cầu cần đạt của môn học. Mỗi chủ đề là một đơn vị dạy học xoay quanh một chủ đề với các thành phần kiến thức kết hợp hoạt động thực hành để phát triển ở HS các phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học. Ở mỗi mô đun trong phần Trải nghiệm nghề nghiệp, các chủ đề chú trọng phần thực hành để HS có cơ hội trải nghiệm những công việc cơ bản, đơn giản của ngành nghề nhằm nhận thức được khả năng, sở thích, năng khiếu của bản thân đối với một số ngành nghề cụ thể trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- *Dự án học tập (phần Định hướng nghề nghiệp)*: Yêu cầu HS thực hiện một nhiệm vụ, tạo ra sản phẩm có thể trình bày, báo cáo. Dự án học tập được thiết kế theo định hướng giáo dục STEM, phù hợp với các mục tiêu cụ thể mang tính tích hợp kiến thức, kỹ năng

của môn Công nghệ và kiến thức, kĩ năng của các môn học khác. Dự án học tập giúp HS tham gia hoạt động nhóm, vận dụng, phối hợp các kiến thức, kĩ năng đã học một cách hiệu quả. Đây cũng là những chủ đề mà GV có thể vận dụng kết hợp để tổ chức kiểm tra quá trình học tập của HS.

– *Ôn tập*: Hệ thống hoá kiến thức trong chương dưới dạng sơ đồ kèm theo các câu hỏi ôn tập giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức và vận dụng vào thực tiễn.

3.2. Cấu trúc chủ đề

Cấu trúc chủ đề trong SGK Công nghệ 9 bao gồm các thành phần cơ bản: *Mở đầu*; *Hình thành kiến thức, kĩ năng mới*; *Luyện tập*; *Vận dụng*; *Ghi nhớ*.

– Đối với các nội dung mang tính lí thuyết: Đi kèm nội dung kiến thức khoa học là các câu hỏi thảo luận để khám phá, tìm tòi kiến thức.

– Đối với các nội dung mang tính thực hành: Quy trình thực hiện được trình bày thành bảng với ba cột: các bước thực hiện, yêu cầu kĩ thuật, ví dụ minh hoạ.

3.2.1. Mở đầu

Mục đích chủ yếu của hoạt động này trong SGK Công nghệ 9 là tạo tình huống học tập dựa trên sự huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS; làm bộc lộ mâu thuẫn giữa “cái đã biết” với “cái chưa biết”. Phần Mở đầu ở từng chủ đề của SGK Công nghệ 9 nêu những tình huống với hình ảnh minh hoạ tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn, tạo nhu cầu “muốn biết”, kích thích tư duy, hứng thú tìm tòi, khám phá kiến thức mới của HS, giúp sách tiếp cận thực tiễn và đi vào thực tiễn.

3.2.2. Hình thành kiến thức và kĩ năng mới

Nội dung chủ đề trong SGK được xây dựng theo quan điểm phát triển năng lực, học tập trải nghiệm. Nội dung lí thuyết của chủ đề được cấu trúc thành hai cột gồm:

– Cột chính trình bày nội dung kiến thức khoa học theo trình tự hoạt động: Giới thiệu tình huống, nêu vấn đề → Tìm hiểu lí thuyết, giải quyết vấn đề → Hình thành khái niệm (kiến thức khoa học).

– Cột phụ trình bày những hoạt động khám phá kiến thức của HS, thể hiện rõ quan điểm dạy học phát triển năng lực và dạy học dựa trên học tập trải nghiệm. Cột phụ còn thể hiện những thông tin giải thích, chứng minh, mở rộng một số chi tiết trong nội dung chính.

Mỗi nội dung thực hành được xây dựng thành bảng quy trình thực hiện với các bước cụ thể, yêu cầu cần đạt và hình minh hoạ của mỗi bước. Dự án học tập thể hiện đủ các thành phần: Mục tiêu; Nhiệm vụ; Tiêu chí đánh giá sản phẩm; Dụng cụ, thiết bị, vật liệu; Các bước thực hiện; Đánh giá dự án.

Mở đầu mỗi nội dung, sách cung cấp các hình ảnh minh hoạ tình huống thực tế và đặt ra câu hỏi để HS tư duy phát hiện vấn đề, qua đó hình thành và phát triển năng lực nhận thức

công nghệ. GV tổ chức, hướng dẫn HS dựa trên các thông tin, dữ liệu từ SGK, kết hợp với những kinh nghiệm thực tế của bản thân, quan sát, phân tích, tổng hợp, đánh giá các tình huống và bối cảnh trong thực tế để tự phát hiện các dấu hiệu, biểu hiện, bản chất, vai trò, giá trị, ý nghĩa,... của các vấn đề liên quan đến nội dung chủ đề; qua đó hình thành kiến thức, kỹ năng cần lĩnh hội trong chủ đề.

3.2.3. Luyện tập

Trong SGK Công nghệ 9, hoạt động luyện tập không phải là những bài tập tái hiện kiến thức. Hoạt động luyện tập trong SGK Công nghệ 9 yêu cầu HS đọc và hiểu được các khái niệm, quy trình kỹ thuật; đưa ra nhận xét về một sản phẩm công nghệ hoặc xử lý tình huống dựa trên các kiến thức, kỹ năng vừa học nhằm làm sáng tỏ, củng cố, khắc sâu kiến thức. Qua đó, củng cố và phát triển các năng lực nhận thức công nghệ, giao tiếp công nghệ, đánh giá công nghệ ở HS. Các bài luyện tập được xây dựng mang tính thực tế, gần gũi với cuộc sống để HS liên hệ thực tế, rút ra kinh nghiệm, gia tăng giá trị tri thức của bản thân.

3.2.4. Vận dụng

Dạy học phát triển năng lực quan tâm đến việc vận dụng kiến thức đã học vào thực tế để phát triển các năng lực chung của HS như: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Trong SGK Công nghệ 9, hoạt động vận dụng giúp HS tăng cường ý thức, phát triển năng lực vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tăng cường hứng thú và tính sáng tạo trong ứng dụng kiến thức; thấy rõ giá trị của kiến thức đối với cuộc sống của bản thân, của gia đình và của cộng đồng.

3.2.5. Ghi nhớ

Đây là phần thể hiện cô đọng những giá trị cốt lõi của bài học.

IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ 9

4.1. Nội dung học tập

Công nghệ là môn học mang tính thực tiễn và tính thời đại cao. Vì vậy, nội dung môn học được thiết kế xuất phát từ thực tiễn và phải được vận dụng, thực hành, kiểm nghiệm trong thực tiễn, đồng thời đảm bảo đáp ứng được những đòi hỏi, yêu cầu của thực tiễn sản xuất và đời sống. Trong quá trình dạy học, cần gắn lý thuyết với thực hành, gắn hoạt động học tập ở lớp với hoạt động trải nghiệm, vận dụng ở gia đình và cộng đồng, thường xuyên cập nhật những thành tựu mới của khoa học. Nội dung chương trình môn Công nghệ 9 là những tri thức về nghề nghiệp trong xã hội, là những vấn đề được quy định theo những thông tư của nhà nước. Chính vì vậy trong quá trình dạy học, GV phải luôn cập nhật những quy định, thông tư hiện hành của nhà nước để giảng dạy hợp lý.

Công nghệ còn là môn học mang tính tích hợp. Vì vậy, nội dung giảng dạy được xây dựng theo nguyên tắc kỹ thuật tổng hợp và liên kết với các môn học khác như Toán, Khoa học tự nhiên,...

Mỗi nghề nghiệp đều có những kiến thức, kỹ năng chuyên môn sâu rộng, nhưng chương trình môn Công nghệ 9 có thời lượng hạn chế. Vì vậy, những nội dung được trình bày trong SGK là những kỹ năng cơ bản, đơn giản nhất của nghề nghiệp. Với quan điểm xây dựng nội dung theo hướng mở của Chương trình giáo dục phổ thông, nếu những sản phẩm công nghệ được đề cập trong SGK không phổ biến ở địa phương thì GV có thể thay đổi bằng các sản phẩm công nghệ khác gần gũi, phù hợp với HS của mình và thể hiện điều đó trong kế hoạch giáo dục của nhà trường.

4.2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Ngoài các định hướng chung về phương pháp giáo dục được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, phương pháp dạy học môn Công nghệ 9 cần chú trọng các vấn đề sau:

– *Định hướng phát triển năng lực*: Khi thiết lập các hoạt động dạy học cho mỗi nội dung, chủ đề học tập, ngoài việc đáp ứng mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực chung cốt lõi được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và mục tiêu kiến thức, kỹ năng mà HS cần đạt được cho nội dung đó, các hoạt động dạy học còn phải đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực đặc thù môn học với mô hình gồm các thành phần: hiểu biết công nghệ, giao tiếp công nghệ, sử dụng công nghệ, đánh giá công nghệ và thiết kế kỹ thuật. Theo định hướng này, nhóm tác giả gợi ý cho GV tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính chủ động, sáng tạo, tích cực và phù hợp với nhiệm vụ hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất cho HS như: dạy học dựa trên giải quyết vấn đề; dạy học dựa trên trải nghiệm, khám phá; dạy học thực hành cùng những kỹ thuật dạy học tương ứng.

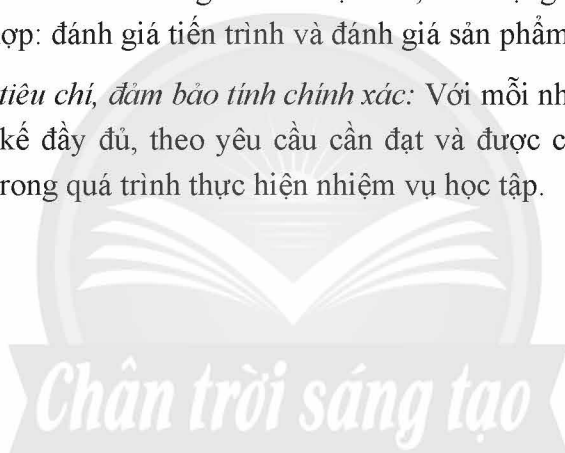
– *Định hướng giáo dục STEM*: Hoạt động dạy học môn Công nghệ 9 chú trọng giải quyết các vấn đề của công nghệ từ sự tích hợp các kiến thức, kỹ năng trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học. Theo đó, mỗi chủ đề thực hành trải nghiệm nghề nghiệp, bài tập luyện tập, vận dụng, dự án học tập của sách Công nghệ 9 được thiết kế phù hợp với năng lực của HS và điều kiện dạy học, trên cơ sở tích hợp kiến thức môn Công nghệ với kiến thức của các môn học khác.

– *Định hướng học tập qua hành động, học tập trải nghiệm*: Theo định hướng này, hoạt động dạy học sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo; vận dụng, gắn kết với thực tiễn và định hướng giải quyết các vấn đề thực tiễn; nâng cao sự hứng thú của người học; góp phần hình thành những năng lực, phẩm chất mà bài học đảm nhiệm.

– *Định hướng dạy học giải quyết vấn đề*: Với quan điểm chung của giáo dục phổ thông là đảm bảo phát triển phẩm chất và năng lực người học, hoạt động dạy học chú trọng giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống. Phần đầu mỗi bài học trong SGK Công nghệ 9 đều đặt ra các vấn đề cần giải quyết thông qua nội dung được trình bày trong bài học. Kết thúc quá trình dạy học, HS phải giải quyết được những câu hỏi hay tình huống đã đặt ra.

4.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- *Định hướng chung:* Việc đánh giá kết quả học tập của HS cần bám sát các định hướng chung về đánh giá đã được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.
- *Đánh giá năng lực:* Chương trình môn Công nghệ 9 được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực. Theo đó, chương trình không quy định chi tiết về nội dung các bài học cụ thể mà chỉ quy định các nguyên tắc, định hướng chung của yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS. Do đó, để đánh giá kết quả học tập của HS, GV cần sử dụng các câu hỏi có tính tổng hợp hoặc những bài toán thực tiễn để rèn luyện cho HS khả năng tư duy, khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề. GV có thể đánh giá thông qua các dự án học tập với các chủ đề mang tính tích hợp nội dung kiến thức, kỹ năng của nhiều bài học trong chủ đề và tích hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học khác.
- *Kết hợp đánh giá tiến trình và đánh giá kết quả:* GV cần kết hợp đa dạng các phương pháp đánh giá khác nhau, đảm bảo đánh giá toàn diện HS, chú trọng đánh giá bằng quan sát trong cả hai trường hợp: đánh giá tiến trình và đánh giá sản phẩm.
- *Đánh giá dựa trên tiêu chí, đảm bảo tính chính xác:* Với mỗi nhiệm vụ học tập, tiêu chí đánh giá được thiết kế đầy đủ, theo yêu cầu cần đạt và được công bố ngay từ đầu để định hướng cho HS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.



B. HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY CỤ THỂ

Chủ đề 1

NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ (3 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kỹ năng

- Trình bày được khái niệm nghề nghiệp, tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội, ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người.
- Kể tên và phân tích được đặc điểm, những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- *Chăm chỉ*: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học về nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ vào cuộc sống.
- *Tự chủ và tự học*: Tự lực, chủ động, tích cực lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ; nắm được một số thông tin chính về các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- *Giao tiếp và hợp tác*: Trình bày được thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề về nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ; chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

3. Năng lực công nghệ

- *Nhận thức công nghệ*: Phân tích được đặc điểm ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- *Giao tiếp công nghệ*: Sử dụng được một số thuật ngữ ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Trong quá trình giảng dạy, GV cần tham khảo thông tin về nghề nghiệp trong Danh mục nghề nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và cập nhật những quy định mới nhất của nhà nước.

Gợi ý phân bố bài giảng:

- + Tiết 1: 1. Nghề nghiệp
- + Tiết 2: 2. Một số ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài.
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SGK và SBT là tài liệu tham khảo chính.
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: Tranh ảnh về một số ngành nghề trong xã hội; một số ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SGK.
- Tìm hiểu một số ngành nghề trong xã hội; một số ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ; đặc điểm và yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo.
- Sử dụng kết hợp các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực hoá người học.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- **Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về tầm quan trọng của nghề nghiệp; đặc điểm và những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- **Nội dung:** Tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SGK.
- **Sản phẩm:** Nhu cầu tìm hiểu đặc điểm và những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV nêu tình huống về nghề nghiệp và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SGK.
 - + GV minh hoạ thêm hình ảnh một số ngành nghề khác trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ; đặt vấn đề về đặc điểm chung của ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và yêu cầu chung đối với người lao động.
 - + GV giới thiệu mục tiêu bài học.

2. Hình thành kiến thức

2.1. Nghề nghiệp

2.1.1. Khái niệm nghề nghiệp

- **Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được khái niệm nghề nghiệp.
- **Nội dung:** Nghề nghiệp.
- **Sản phẩm:** Trình bày được khái niệm nghề nghiệp.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV cho HS quan sát hình ảnh một số nghề nghiệp (Hình 1.2), tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ: *Hãy kể tên công việc của người lao động có nghề nghiệp ở mỗi trường hợp trong Hình 1.2.*

Gợi ý:

- ✓ Hình a (kỹ sư điện): giám sát hoạt động của hệ thống truyền tải và phân phối điện.
- ✓ Hình b (kỹ sư hoá học): nghiên cứu, phân tích các hợp chất hoá học.
- ✓ Hình c (thợ sửa chữa xe có động cơ): sửa chữa, thay thế bộ phận bị hỏng của xe cơ giới (bánh xe).
- ✓ Hình d (thợ hàn): hàn các bộ phận kim loại.

+ GV yêu cầu HS kể thêm một số công việc khác của người lao động có nghề nghiệp trong mỗi trường hợp trên. GV gợi mở để HS nhận xét được đặc điểm của các công việc và các nhiệm vụ của mỗi nghề nghiệp.

+ GV dẫn dắt để HS nêu được khái niệm nghề nghiệp.

+ GV gợi mở, yêu cầu HS kể tên một số nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Nghề nghiệp là tập hợp các công việc cụ thể, được đào tạo và được xã hội công nhận, mang lại lợi ích cho cộng đồng và giá trị cho mỗi cá nhân.

2.1.2. Tầm quan trọng của nghề nghiệp

– **Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội.

– **Nội dung:** Những lợi ích mà nghề nghiệp đem lại cho con người và xã hội.

– **Sản phẩm:** Trình bày được tầm quan trọng của nghề nghiệp.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 1.2, tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để thực hiện các yêu cầu trong SGK.

- *Hãy nêu tầm quan trọng của các nghề nghiệp có trong Hình 1.2 đối với con người và xã hội.*

Gợi ý: Những lợi ích mà mỗi nghề nghiệp mang lại cho người lao động và xã hội:

✓ Hình 1.2a (kỹ sư điện): Giúp người lao động nghề kỹ sư điện tìm được việc làm, có nguồn thu nhập, được áp dụng chuyên môn, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghề kỹ sư điện; tạo ra của cải vật chất là các thiết bị máy móc liên quan tới điện, đồ dùng điện, các thiết bị chiếu sáng sử dụng điện,... cho xã hội.

✓ Hình 1.2b (kỹ sư hoá học): Giúp người lao động nghề kỹ sư hoá học tìm được việc làm, có nguồn thu nhập, được áp dụng chuyên môn, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghề kỹ sư hoá học; tạo ra các kết quả thí nghiệm có ích cho công tác nghiên cứu và giúp xã hội phát triển.

- ✓ Hình 1.2c (thợ sửa chữa xe có động cơ): Giúp người lao động nghề thợ sửa chữa xe có động cơ tìm được việc làm, có nguồn thu nhập, được áp dụng chuyên môn, trau dồi kỹ năng và kinh nghiệm nghề thợ sửa chữa xe có động cơ; tạo ra sản phẩm là máy móc, thiết bị, các loại xe có động cơ cho xã hội.
- ✓ Hình 1.2d (thợ hàn): Giúp người lao động nghề thợ hàn tìm được việc làm, có nguồn thu nhập, được áp dụng chuyên môn, trau dồi kỹ năng và kinh nghiệm nghề thợ hàn; tạo sản phẩm cơ khí liên quan tới nghề thợ hàn cho xã hội.
- + GV yêu cầu HS kể thêm và nêu tầm quan trọng của một số ngành nghề khác trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.
- **Kết luận:** Nghề nghiệp giúp người lao động tìm được việc làm, có nguồn thu nhập, sống có ích cho xã hội; áp dụng chuyên môn, bồi dưỡng nhân cách, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghề và kinh nghiệm; giúp tạo ra của cải vật chất, giá trị tinh thần cho xã hội.

2.1.3. Ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp

- **Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp.
- **Nội dung:** Ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- **Sản phẩm:** Trình bày được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.
 - + GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để tìm hiểu, phân tích về ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp.
 - + GV cho HS xem một số hình ảnh người lao động hứng thú, say mê, tập trung vào hoạt động lao động, công việc. GV gợi mở và yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau:
 - *Theo em, những biểu hiện nào cho thấy người lao động đã chọn lựa đúng đắn nghề nghiệp?*
 Gợi ý: Người lao động hứng thú, say mê, tập trung vào hoạt động lao động, công việc.
 - + GV gợi mở, yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SGK.
 - *Việc chọn lựa đúng đắn nghề nghiệp có ý nghĩa như thế nào đối với cá nhân người lao động?*
 Gợi ý: Được làm việc phù hợp với chuyên môn, sở thích, phát huy khả năng làm việc, tăng hiệu suất lao động và đạt được thành công trong tương lai.
 - + GV gợi mở, yêu cầu HS thảo luận nhóm để tìm hiểu ý nghĩa của việc chọn lựa đúng đắn nghề nghiệp đối với gia đình, xã hội.
 - + GV dẫn dắt để HS phân tích và trình bày được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
 - + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp giúp cá nhân có công việc phù hợp, phát huy được năng lực, giúp tiết kiệm được chi phí cho gia đình và góp phần phát triển kinh tế – xã hội.

2.2. Một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

– **Mục tiêu:** Giúp HS kể tên, nêu được đặc điểm và yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– **Nội dung:** Một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– **Sản phẩm:** Kể được tên gọi, đặc điểm và yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV dẫn dắt, giới thiệu cho HS các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ có đặc điểm chung về sản phẩm lao động, đối tượng lao động, môi trường lao động; yêu cầu chung về năng lực, phẩm chất của người lao động.

+ GV cho HS xem Hình 1.3. Một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ, tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để trả lời câu hỏi trong SGK.

● *Hãy tìm hiểu những ngành nghề có trong Hình 1.3, nêu đặc điểm và yêu cầu chung của các ngành nghề đó.*

Gợi ý: GV dẫn dắt HS trả lời theo các nội dung: sản phẩm lao động, đối tượng lao động, môi trường lao động của từng ngành nghề và khái quát thành đặc điểm, yêu cầu chung.

Hình a (xây dựng):

✓ **Đặc điểm:** *sản phẩm lao động:* các công trình xây dựng; *đối tượng lao động:* gạch, xi măng, sắt thép,...; *môi trường lao động:* làm việc ngoài công trường, trên cao,...

✓ **Yêu cầu:** *năng lực:* có trình độ, kiến thức chuyên môn phù hợp với ngành xây dựng; có sức khỏe tốt, không mắc các bệnh về tim mạch, hô hấp, da; *phẩm chất:* trách nhiệm, kỉ luật, cần cù,...

Hình b (cơ khí):

✓ **Đặc điểm:** *sản phẩm lao động:* các loại máy móc, thiết bị, chi tiết máy,...; *đối tượng lao động:* các loại vật liệu cơ khí như thép, nhôm, đồng,...; *môi trường lao động:* tiếp xúc với các máy móc, thiết bị liên quan đến ngành cơ khí,...

✓ **Yêu cầu:** *năng lực:* có trình độ, kiến thức chuyên môn phù hợp với ngành cơ khí, có khả năng tiếp cận, vận dụng công nghệ mới, hiện đại; có sức khỏe tốt, thị giác và thính giác tốt, không bị dị ứng với dầu mỡ bôi trơn động cơ; *phẩm chất:* kiên trì, trách nhiệm, kỉ luật, luôn tuân thủ quy trình; óc quan sát tốt; tỉ mỉ, cẩn thận để thực hiện những công việc yêu cầu độ chính xác cao.

Hình c (điện tử, viễn thông):

✓ **Đặc điểm:** *sản phẩm lao động:* các hệ thống, thiết bị máy móc liên quan tới điện tử, viễn thông,...; *đối tượng lao động:* các thiết bị, vật liệu, đồ dùng điện tử, viễn thông,...; *môi trường lao động:* tiếp xúc với các máy móc, thiết bị điện tử, viễn thông,...

✓ Yêu cầu: *năng lực*: có trình độ, kiến thức chuyên môn phù hợp với ngành điện tử, viễn thông; có khả năng tiếp cận, vận dụng công nghệ mới, hiện đại; có sức khỏe tốt, không sợ độ cao; *phẩm chất*: nhanh nhẹn, cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì, tập trung,...

Hình d (nông nghiệp):

✓ Đặc điểm: *sản phẩm lao động*: các loại lương thực, thực phẩm của con người, thức ăn của vật nuôi,...; *đối tượng lao động*: cây trồng, đất đai, phân bón,...; *môi trường lao động*: tiếp xúc với cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, làm việc ngoài trời,...

✓ Yêu cầu: *năng lực*: có trình độ, kiến thức chuyên môn phù hợp với ngành nông nghiệp, có khả năng vận dụng công nghệ mới, hiện đại; có sức khỏe tốt, thích nghi với hoạt động ngoài trời; *phẩm chất*: kiên trì, trách nhiệm, cần cù,...

+ GV cho HS xem thêm hình ảnh một số ngành nghề khác trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và yêu cầu HS nêu đặc điểm và yêu cầu của các ngành nghề đó.

+ GV dẫn dắt, gợi mở để HS kể được tên một số ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ; phân tích và nêu được đặc điểm, yêu cầu của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

+ GV giúp HS khái quát thành đặc điểm chung và yêu cầu chung của ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:**

+ Một số ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ: xây dựng; cơ khí; điện tử, viễn thông; nông nghiệp;... có những đặc điểm chung như: tạo ra sản phẩm phục vụ sản xuất và cuộc sống của con người; lao động với các vật liệu, dụng cụ, thiết bị,...; trong môi trường phòng thí nghiệm, xưởng sản xuất, ngoài công trường, trên cao,...

+ Đối với người lao động, các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn, năng lực sáng tạo; làm việc độc lập, nhóm; tự học; có sức khỏe tốt; ý thức kỷ luật, trách nhiệm, tuân thủ quy trình, cần cù, phấn đấu rèn luyện, học tập phát triển nghề nghiệp.

3. Luyện tập

– **Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về nghề nghiệp, tầm quan trọng của nghề nghiệp, ý nghĩa của việc lựa chọn đúng nghề nghiệp, đặc điểm và yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

– **Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK.

– **Sản phẩm:** Đáp án bài tập phần Luyện tập trong SGK.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp và học tập theo nhóm nhỏ.

+ GV dẫn dắt, gợi mở để HS trả lời các câu hỏi trong SGK.

● **Câu 1:** Nghề nghiệp có tầm quan trọng như thế nào đối với con người và xã hội?

Gợi ý:

✓ Nghề nghiệp giúp người lao động tìm được việc làm, có nguồn thu nhập để nuôi sống bản thân, gia đình và sống có ích cho xã hội; áp dụng chuyên môn, bồi dưỡng nhân cách, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghề và kinh nghiệm.

✓ Nghề nghiệp giúp tạo ra của cải vật chất và giá trị tinh thần cho xã hội.

● *Câu 2: Hãy trình bày ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người.*

Gợi ý:

✓ Đối với cá nhân: Được làm việc phù hợp với chuyên môn, sở thích, đam mê.

✓ Đối với gia đình: Giúp tiết kiệm được chi phí học tập, phát triển nghề nghiệp.

✓ Đối với xã hội: Tránh lãng phí nguồn lực, hạn chế tình trạng thất nghiệp, góp phần phát triển kinh tế, xã hội.

● *Câu 3: Hãy phân tích những đặc điểm chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.*

Gợi ý:

✓ *Sản phẩm lao động:* Các sản phẩm như vật liệu, dụng cụ, máy móc, thiết bị; công trình xây dựng, kiến trúc; lương thực, thực phẩm, ... do người lao động tạo ra từ quá trình sản xuất cơ khí, điện, điện tử, nông nghiệp, ...

✓ *Đối tượng lao động:* Người lao động sử dụng các vật liệu, dụng cụ, thiết bị, giống vật nuôi, cây trồng, phân bón, ...; sử dụng những thành tựu khoa học, công nghệ để cải tiến quá trình sản xuất phù hợp với điều kiện sản xuất và cuộc sống của con người.

✓ *Môi trường lao động:* Trong quá trình sản xuất, người lao động thuộc các ngành nghề cơ khí, điện, điện tử, nông nghiệp, ... tiếp xúc với các máy móc, thiết bị tạo ra tiếng ồn, khói bụi; làm việc trong phòng thí nghiệm, xưởng sản xuất, ngoài công trường; làm việc trên cao, những nơi có yếu tố nguy hiểm, độc hại, ...

4. Vận dụng

– **Mục tiêu:** Giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ vào thực tiễn.

– **Nội dung:** Bài tập phần Vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

– **Sản phẩm:** Đáp án bài tập Vận dụng và bài tập về nhà.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Hướng dẫn làm bài tập ở nhà.

+ GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện bài tập ở phần Vận dụng trong SGK.

● *Câu 1: Hãy kể tên những ngành nghề có ở địa phương em và nêu yêu cầu của các ngành nghề đó đối với người lao động.*

Gợi ý: GV dẫn dắt và gợi mở cho HS quan sát các hoạt động lao động sản xuất tại địa phương để xác định các ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và nêu yêu cầu của các ngành nghề đó đối với người lao động (năng lực, phẩm chất).

● *Câu 2: Hãy chọn một nghề mà người thân của em đang làm và nói về tầm quan trọng của nghề đó đối với con người và xã hội.*

Gợi ý: Giúp người lao động có nguồn thu nhập, sống có ích cho xã hội; áp dụng chuyên môn; bồi dưỡng nhân cách, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghề và kinh nghiệm; tạo ra của cải vật chất và giá trị tinh thần cho xã hội.

+ GV hướng dẫn HS làm bài tập cá nhân ở nhà.

5. Kết luận chung

– **Mục tiêu:** Tổng kết những kiến thức cốt lõi của bài học.

– **Nội dung:**

+ Nghề nghiệp.

+ Một số ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

– **Sản phẩm:** Nội dung phần Ghi nhớ trong SGK.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung của phần Ghi nhớ trong SGK.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Mở đầu (SGK): *Hãy tìm hiểu những đặc điểm của một số ngành nghề ở Hình 1.1. Các ngành nghề đó có những yêu cầu chung nào đối với người lao động?*

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

Chủ đề 2

GIÁO DỤC KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ TRONG HỆ THỐNG QUỐC DÂN

(2 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kỹ năng

- Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.
- Xác định và giải thích được các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.
- Giải thích được những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau khi kết thúc trung học cơ sở.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- *Chăm chỉ*: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào cuộc sống.
- *Tự chủ và tự học*: Tự lực, chủ động, tích cực lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập về giáo dục kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân; nắm được một số thông tin chính về các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ ở địa phương; lựa chọn được hướng phát triển phù hợp sau trung học cơ sở.
- *Giao tiếp và hợp tác*: Biết trình bày thông tin, thảo luận những vấn đề giáo dục kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân; biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

3. Năng lực công nghệ

- *Nhận thức công nghệ*: Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam; xác định được các thời điểm có sự phân luồng và nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ; xác định được các hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau khi kết thúc trung học cơ sở; nắm được một số thông tin về các ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ tại địa phương.
- *Giao tiếp công nghệ*: Sử dụng được một số thuật ngữ về hệ thống giáo dục và nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Trong quá trình giảng dạy, GV cần tham khảo một số thông tin (và cập nhật theo thực tế):

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Quyết định phê duyệt khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.
- Danh mục nghề nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.
- Thông tư ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Gợi ý phân bố bài giảng:

- +Tiết 1: 1. Cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam
- +Tiết 2: 2. Phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục
- +Tiết 3: 3. Những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau trung học cơ sở

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài.
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SGK và SBT là tài liệu tham khảo chính.
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, thời điểm có sự phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, thời điểm có sự phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SGK.
- Tìm hiểu thông tin hệ thống giáo dục quốc dân; thời điểm có sự phân luồng, cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục; các hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau trung học cơ sở.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo.
- Kết hợp các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực hoá người học.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- **Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu giáo dục kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân.
- **Nội dung:** Tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SGK.
- **Sản phẩm:** Nhu cầu tìm hiểu những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau khi kết thúc trung học cơ sở.

- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV nêu tình huống về nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ và câu hỏi phần Mở đầu trong SGK.
 - + GV minh hoạ thêm một số hình ảnh nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ khác, đặt vấn đề về các hướng chọn nghề sau khi kết thúc trung học cơ sở.
 - + GV dẫn dắt và giới thiệu mục tiêu bài học.

2. Hình thành kiến thức

2.1. Cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam

- **Mục tiêu:** Giúp HS mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.
 - **Nội dung:** Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.
 - **Sản phẩm:** Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.
 - **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.
 - + GV yêu cầu HS quan sát Hình 2.2, tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu trong SGK:
 - *Hãy quan sát Hình 2.2 và mô tả các cấp học, trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục Việt Nam.*
- Gợi ý:
- ✓ Các cấp học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông), giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.
 - ✓ Trình độ đào tạo: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.
- + GV dẫn dắt, gợi mở HS phân tích Hình 2.2 để trình bày được số năm, số lớp của từng cấp học; các trình độ đào tạo; sự chuyển tiếp giữa các cấp học; sự chuyển đổi cùng cấp học; từ đó mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.
 - + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.
- **Kết luận:** Hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm: giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên. Giáo dục chính quy có các cấp học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp (trình độ: sơ cấp, trung cấp và cao đẳng), giáo dục đại học (trình độ: đại học, thạc sĩ và tiến sĩ).

2.2. Phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục

2.2.1. Thời điểm có sự phân luồng

- **Mục tiêu:** Giúp HS nhận ra và giải thích được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.
- **Nội dung:** Phân luồng trong hệ thống giáo dục.
- **Sản phẩm:** Nhận ra và giải thích được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

- + GV dẫn dắt HS tìm hiểu và trình bày khái niệm phân luồng trong giáo dục (Luật Giáo dục, 2019).
- + GV gợi mở, tổ chức cho HS hoạt động nhóm để tìm hiểu các các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.
- + GV yêu cầu HS quan sát Hình 2.3 và Hình 2.4, thảo luận và thực hiện yêu cầu trong SGK trang 10:

● *Hãy quan sát Hình 2.3 và Hình 2.4 để giải thích các thời điểm có sự phân luồng học sinh trong hệ thống giáo dục.*

Gợi ý:

- ✓ Thời điểm HS tốt nghiệp trung học cơ sở.
- ✓ Thời điểm HS tốt nghiệp trung học phổ thông.

Sự phân luồng tạo điều kiện để HS tiếp tục học tập ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc theo học giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động.

- + GV gợi mở để HS nêu được lí do có sự phân luồng ở các thời điểm phân luồng.

Gợi ý:

- ✓ Thời điểm HS tốt nghiệp trung học cơ sở: tạo điều kiện để HS tiếp tục học tập ở cấp Trung học phổ thông hoặc ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp theo sở thích và điều kiện riêng.
- ✓ Thời điểm HS tốt nghiệp trung học phổ thông: tạo điều kiện để HS tiếp tục học tập ở các cơ sở giáo dục đại học hoặc ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng theo sở thích và điều kiện riêng.

- + GV dẫn dắt, gợi mở để HS trình bày được các thời điểm có sự phân luồng, các hướng học tập tiếp theo của HS trong hệ thống giáo dục.

- + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Sự phân luồng HS trong giáo dục phổ thông được thực hiện tại thời điểm HS tốt nghiệp trung học cơ sở và tốt nghiệp trung học phổ thông.

2.2.2. Cơ hội lựa chọn nghề nghiệp

– **Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết và giải thích được các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.

– **Nội dung:** Các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ thông qua các bậc đào tạo nghề ứng với mỗi thời điểm phân luồng.

– **Sân phẩm:** Nhận biết và giải thích được các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

- + GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, tìm hiểu các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.

- + GV dẫn dắt, giới thiệu những bậc đào tạo nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ phù hợp với HS tốt nghiệp trung học cơ sở, HS tốt nghiệp trung học phổ thông.

- + GV gọi mở để HS giải thích và trình bày được các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.
- + GV giới thiệu thêm một số ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; trình độ đại học.
- + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** HS có nhiều cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục. Tốt nghiệp trung học cơ sở, HS có thể lựa chọn các nghề đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp; tốt nghiệp trung học phổ thông, HS có thể lựa chọn các ngành đào tạo trình độ đại học hoặc cao đẳng để tiếp tục học tập. HS cũng có thể học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, chương trình đào tạo nghề nghiệp khác.

2.3. Những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau trung học cơ sở

- **Mục tiêu:** Giúp HS phân tích, trình bày được những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau trung học cơ sở.
- **Nội dung:** Những hướng học tập tiếp theo liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.
- **Sản phẩm:** Trình bày được những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau trung học cơ sở.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.
 - + GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để tìm hiểu những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau trung học cơ sở.
 - + GV gọi mở, yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SGK.
 - *Hãy nêu những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ phù hợp với học sinh sau khi kết thúc trung học cơ sở.*

Gợi ý:

- ✓ Tiếp tục học cấp trung học phổ thông, lựa chọn những môn học có liên quan đến kỹ thuật, công nghệ tại các trường trung học phổ thông hoặc trung tâm giáo dục thường xuyên.
- ✓ Tiếp tục học các ngành nghề trình độ sơ cấp, trung cấp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- ✓ Tham gia thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

- + GV dẫn dắt để HS phân tích, trình bày được những hướng học tập và lao động liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ phù hợp với HS tốt nghiệp trung học cơ sở.
- + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, HS có thể tiếp tục học cấp Trung học phổ thông và lựa chọn học nghề trình độ sơ cấp hoặc trung cấp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. HS cũng có thể tham gia thị trường lao động ở nhóm nghề nghiệp giản đơn, phù hợp lứa tuổi và đúng pháp luật.

3. Luyện tập

- **Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về giáo dục kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân.
- **Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK.
- **Sản phẩm:** Đáp án bài tập phần Luyện tập trong SGK.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp và học tập theo nhóm nhỏ.
 - + GV dẫn dắt, gợi mở để HS trả lời các câu hỏi trong SGK.

● **Câu 1:** *Hãy nêu các cấp học và trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.*

Gợi ý: Các cấp học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp (trình độ: sơ cấp, trung cấp và cao đẳng), giáo dục đại học (trình độ: đại học, thạc sĩ và tiến sĩ).

● **Câu 2:** *Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông có thể tiếp tục học tập ở những cơ sở giáo dục nào? Học sinh có thể có những cơ hội nghề nghiệp nào trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?*

Gợi ý:

✓ HS tốt nghiệp trung học cơ sở có thể tiếp tục học ở trường trung học phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên. HS tốt nghiệp trung học phổ thông có thể học tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng. Ngoài ra, HS còn có thể theo học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, chương trình đào tạo nghề nghiệp khác.

✓ HS tốt nghiệp trung học cơ sở có cơ hội làm lao động thủ công hoặc lao động có kỹ năng trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ khi tiếp tục theo học các nghề đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp. HS tốt nghiệp trung học phổ thông có cơ hội trở thành nhà chuyên môn bậc cao, nhà chuyên môn bậc trung khi tiếp tục theo học các ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

● **Câu 3:** *Tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể lựa chọn những hướng đi nào liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?*

Gợi ý:

✓ HS có thể tiếp tục học cấp trung học phổ thông, với những môn học thuộc tổ hợp lựa chọn có liên quan đến kỹ thuật, công nghệ tại các trường trung học phổ thông hoặc trung tâm giáo dục thường xuyên.

✓ HS có thể tiếp tục học các ngành nghề trình độ sơ cấp hoặc trung cấp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp để trở thành những lao động thủ công hoặc lao động có kỹ năng trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

✓ HS có thể tham gia thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

4. Vận dụng

– **Mục tiêu:** Giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân vào thực tiễn.

– **Nội dung:** Bài tập phần Vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

– **Sản phẩm:** Đáp án bài tập Vận dụng và bài tập về nhà.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Hướng dẫn làm bài tập ở nhà.

+ GV gợi mở, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện bài tập ở phần Vận dụng trong SGK:

• *Hãy tìm hiểu và kể tên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp ở địa phương em. Cho biết những ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đó.*

Gợi ý:

✓ Tìm hiểu và kể tên các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng có đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp ở địa phương.

✓ Trong các ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã kể, xác định các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

+ GV hướng dẫn HS làm bài tập cá nhân ở nhà.

5. Kết luận chung

– **Mục tiêu:** Tổng kết những kiến thức cốt lõi của bài học.

– **Nội dung:**

+ Cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam.

+ Các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.

+ Những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau trung học cơ sở.

– **Sản phẩm:** Nội dung phần Ghi nhớ trong SGK.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung của phần Ghi nhớ trong SGK.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Mở đầu (SGK): *Người học lựa chọn những hướng đi nào sau khi kết thúc trung học cơ sở để có cơ hội nghề nghiệp như minh họa ở Hình 2.1?*

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

Chủ đề 3

THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ TẠI VIỆT NAM

(4 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kỹ năng

- Trình bày được khái niệm về thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động, vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.
- Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- *Chăm chỉ*: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học về thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ vào cuộc sống.
- *Tự chủ và tự học*: Tự lực, chủ động, tích cực lựa chọn được các nguồn tài liệu về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ phù hợp; nắm được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam; vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ; nắm được một số thông tin chính về các ngành nghề ở địa phương, ngành nghề thuộc các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.
- *Giao tiếp và hợp tác*: Biết trình bày thông tin, thảo luận những vấn đề về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ; biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

3. Năng lực công nghệ

Nhận thức công nghệ: Nhận thức được một số nội dung về thị trường lao động liên quan đến nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Trong quá trình giảng dạy, GV cần tham khảo các thông tin thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ của tổng cục thống kê (<https://www.gso.gov.vn/>); bản tin thị trường lao động Việt Nam của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (<https://www.molisa.gov.vn/>); trung tâm dự báo và phát triển nguồn nhân lực của các tỉnh, thành phố,...

Gợi ý phân bố bài giảng:

+ Tiết 1: 1. Thị trường lao động

1.1. Khái niệm thị trường lao động

1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động

+ Tiết 2: 1.3. Vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ

2. Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam hiện nay

+ Tiết 3, 4: 3. Tìm kiếm những thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

– Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài.

– Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SGK và SBT là tài liệu tham khảo chính.

– Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:

+ Tranh ảnh minh họa tình huống phỏng vấn chuyên gia về thị trường lao động; minh họa phỏng vấn tuyển dụng lao động; minh họa robot thay thế con người trong dây chuyền sản xuất tự động.

+ Một số thông tin về thị trường lao động:

● Bản tin thị trường lao động Việt Nam (cập nhật mới nhất của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội); thông tin tuyển dụng lao động của doanh nghiệp; một số thông tin của cơ sở đào tạo nghề nghiệp.

● Thống kê (5 năm gần nhất) về tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật; tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động; tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo, phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật; tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo từ <https://www.gso.gov.vn>.

2. Chuẩn bị của học sinh

– Đọc trước bài học trong SGK.

– Tìm hiểu thông tin thị trường lao động, những vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam, thông tin thị trường lao động lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ ở địa phương.

– Công cụ tìm kiếm thông tin: Điện thoại có kết nối Internet; tạp chí, tài liệu liên quan tới thị trường lao động Việt Nam;...

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

– Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo.

– Sử dụng kết hợp các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực hoá người học.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- **Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- **Nội dung:** Tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SGK.
- **Sản phẩm:** Thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV cho HS xem hình ảnh minh hoạ tình huống phỏng vấn chuyên gia về thị trường lao động.
 - + GV nêu tình huống chứa thông tin về thị trường lao động và câu hỏi phần Mở đầu trong SGK.
 - + GV giới thiệu mục tiêu bài học.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Thị trường lao động

2.1.1. Khái niệm thị trường lao động

- **Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được khái niệm thị trường lao động.
- **Nội dung:** Thị trường lao động.
- **Sản phẩm:** Khái niệm thị trường lao động.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV hướng dẫn HS hoạt động cá nhân, tìm hiểu khái niệm thị trường lao động.
 - + GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.2, làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi trong SGK.
 - *Quan sát Hình 3.2 và cho biết những nội dung nào đã được thoả thuận trong hoạt động tuyển dụng trên.*
 - Gợi ý: mức lương, điều kiện làm việc của công ty.
 - + GV dẫn dắt, giới thiệu một số điều kiện làm việc (lao động) gồm: công việc phải làm, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, địa điểm làm việc, điều kiện về an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, tiền lương, tiền thưởng và phụ cấp, định mức lao động đối với người lao động; trang bị bảo hộ lao động cho người lao động,...
 - + GV gợi mở, yêu cầu HS tìm hiểu yếu tố người lao động, người sử dụng lao động của thị trường lao động.
 - + GV dẫn dắt, yêu cầu HS phân tích, trình bày được khái niệm của thị trường lao động; yếu tố người lao động, người sử dụng lao động.
 - + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:**

+ Thị trường lao động là thị trường trao đổi hàng hoá “sức lao động” giữa người lao động và người sử dụng lao động thông qua các hoạt động tuyển chọn, thoả thuận về tiền lương và các điều kiện làm việc khác.

+ Thị trường lao động bao gồm yếu tố người lao động và người sử dụng lao động.

2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động

– **Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động.

– **Nội dung:** Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động.

– **Sản phẩm:** Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, tìm hiểu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động.

+ GV dẫn dắt, giới thiệu cho HS các yếu tố: sự phát triển của khoa học và công nghệ, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhu cầu lao động và nguồn cung lao động ảnh hưởng đến thị trường lao động.

+ GV gợi mở, hướng dẫn HS tìm hiểu yếu tố sự phát triển của khoa học và công nghệ ảnh hưởng đến thị trường lao động, yêu cầu HS quan sát Hình 3.3 và thực hiện yêu cầu trong SGK:

- *Quan sát Hình 3.3 và so sánh nhu cầu về số lượng và chất lượng lao động giữa hai dây chuyền lắp ráp ô tô.*

Gợi ý:

✓ Hình a: số lượng lao động nhiều; có trình độ chuyên môn kỹ thuật.

✓ Hình b: số lượng lao động ít; có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.

+ GV dẫn dắt, gợi mở giúp HS phân tích và trình bày được yếu tố sự phát triển của khoa học và công nghệ ảnh hưởng đến thị trường lao động.

+ GV gợi mở, hướng dẫn HS tìm hiểu yếu tố sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ảnh hưởng đến thị trường lao động, yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ trong SGK.

- *Hãy kể một số ngành kinh tế có sự chuyển dịch cơ cấu làm ảnh hưởng đến thị trường lao động hiện nay.*

Gợi ý:

✓ Nhóm ngành kinh tế công nghiệp, dịch vụ có sự tăng trưởng, chiếm tỉ trọng lớn hơn nhóm ngành kinh tế nông nghiệp → Nhóm ngành kinh tế công nghiệp, dịch vụ có nhu cầu lao động cao hơn nhu cầu lao động ở nhóm ngành kinh tế nông nghiệp.

✓ Nhóm ngành kinh tế công nghiệp do tác động của nền công nghiệp 4.0 → có nhu cầu cao về chất lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật.

+ GV dẫn dắt và gợi mở giúp HS phân tích và trình bày được yếu tố sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ảnh hưởng đến thị trường lao động.

+ GV gợi mở, hướng dẫn HS tìm hiểu, phân tích và trình bày được yếu tố nhu cầu và nguồn cung lao động ảnh hưởng đến thị trường lao động.

+ GV dẫn dắt, gợi mở giúp HS trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động.

+ GV giới thiệu thêm về mối liên hệ và ảnh hưởng của sự phát triển khoa học và công nghệ tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quy mô sản xuất.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Thị trường lao động chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố: Sự phát triển của khoa học và công nghệ; sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế; nhu cầu lao động và nguồn cung lao động.

2.1.3. Vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ

– **Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

– **Nội dung:** Vai trò của thị trường lao động.

– **Sân phẩm:** Vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, tìm hiểu phân tích các vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

+ GV dẫn dắt, giới thiệu cho HS về thị trường lao động thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ cung cấp một số thông tin như: xu hướng việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động, các cơ sở đào tạo nghề nghiệp,...

+ GV gợi mở, cho HS xem minh họa một bản tin thị trường lao động Việt Nam (cập nhật mới nhất của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

+ GV yêu cầu HS tìm hiểu và nêu thông tin xu hướng việc làm (xu hướng tuyển dụng và tìm việc làm) trong bản tin thị trường lao động đó.

+ GV dẫn dắt, cho HS xem minh họa thông tin tuyển dụng lao động của một doanh nghiệp.

+ GV yêu cầu HS tìm hiểu và nêu các thông tin về nhu cầu tuyển dụng, yêu cầu đối với người lao động,... của doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động.

- + GV gợi mở, cho HS xem minh hoạ một số thông tin của cơ sở đào tạo nghề nghiệp (trường trung cấp hoặc cao đẳng hoặc trung tâm giáo dục thường xuyên – giáo dục nghề nghiệp).
- + GV yêu cầu HS tìm hiểu và nêu tên, chương trình đào tạo của một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Từ đó nêu được thông tin thị trường lao động giúp cơ sở đào tạo phát triển các chương trình đào tạo phù hợp, theo nhu cầu.
- + GV yêu cầu HS tìm hiểu thông tin xu hướng việc làm (xu hướng tuyển dụng và tìm việc làm) trong bản tin thị trường lao động ở hoạt động trước.
- + GV gợi mở HS nêu được các ngành nghề có thể theo học để có cơ hội việc làm trong tương lai phù hợp với xu hướng việc làm, từ đó nêu được thông tin thị trường lao động giúp người học trong việc định hướng nghề nghiệp.
- + GV gợi mở để HS xác định được vai trò của các thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động đối với người lao động và người sử dụng lao động.
- + GV dẫn dắt HS phân tích và nêu được các vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.
- **Kết luận:** Thị trường lao động giúp người học lựa chọn ngành nghề, cấp học và trình độ đào tạo; cơ sở đào tạo phát triển chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội; người lao động có cơ hội việc làm phù hợp, người sử dụng lao động tuyển dụng được người lao động có chất lượng.

2.2. Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam hiện nay

- **Mục tiêu:** Giúp HS mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam hiện nay.
- **Nội dung:** Thị trường lao động Việt Nam.
- **Sản phẩm:** Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.
 - + GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm tìm hiểu những vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam.
 - + GV cho HS xem minh hoạ thống kê tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo phân theo trình độ chuyên môn kĩ thuật trong thời gian 5 năm gần nhất (<https://www.gso.gov.vn>), gợi mở và hướng dẫn HS tìm hiểu, nhận xét xu hướng tuyển dụng người lao động đã qua đào tạo, có kinh nghiệm.

- + GV cho HS xem minh hoạ thống kê tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động trong thời gian 5 năm gần nhất (<https://www.gso.gov.vn>), gợi mở và hướng dẫn HS tìm hiểu, nhận xét xu hướng của tỉ lệ thất nghiệp trong minh hoạ thống kê tỉ lệ thất nghiệp đó.
- + GV gợi mở, dẫn dắt HS phân tích được mối liên hệ giữa: tỉ lệ thất nghiệp và nguồn cung lao động so với nhu cầu tuyển dụng (tình trạng thất nghiệp xảy ra khi nguồn cung lao động > nhu cầu tuyển dụng), từ đó nhận xét được xu hướng nguồn cung lao động so với nhu cầu tuyển dụng lao động.
- + GV cho HS xem minh hoạ thống kê tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo, phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật; tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo (không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên) phân theo ngành kinh tế trong thời gian 5 năm gần nhất (<https://www.gso.gov.vn>), gợi mở và hướng dẫn HS tìm hiểu, nhận xét về xu hướng của chất lượng lao động trong minh hoạ thống kê tỉ lệ lao động đó.
- + GV dẫn dắt, gợi mở để HS nêu, phân tích và trình bày được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam hiện nay.
- + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.
- **Kết luận:** Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam bao gồm: xu hướng tuyển dụng người lao động đã qua đào tạo, có kinh nghiệm chiếm tỉ lệ rất cao; xu hướng nguồn cung lao động lớn hơn nhu cầu tuyển dụng; chất lượng lao động thấp, lao động phân bố không đồng đều ở các lĩnh vực và trình độ đào tạo.

2.3. Tìm kiếm những thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ

2.3.1. Nội dung tìm kiếm

- **Mục tiêu:** Giúp HS xác định được nội dung thông tin cần tìm kiếm về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- **Nội dung:** Các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ cần tìm kiếm.
- **Sản phẩm:** Thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV dẫn dắt HS tìm hiểu và xác định các nội dung thông tin cần tìm kiếm về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
 - + GV gợi mở, yêu cầu HS nêu các nội dung thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ cần tìm kiếm.
 - + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Nội dung thông tin cần tìm kiếm: tình trạng xu hướng việc làm của nghề nghiệp, nhu cầu tuyển dụng nghề nghiệp; các cơ sở đào tạo nào đang đào tạo nghề nghiệp; tiền lương và tiền công.

2.3.2. Yêu cầu

– **Mục tiêu:** Giúp HS xác định được yêu cầu của việc tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– **Nội dung:** Các yêu cầu trong quá trình tìm kiếm.

– **Sản phẩm:** Yêu cầu của việc tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV dẫn dắt HS tìm hiểu và xác định các yêu cầu của việc tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

+ GV gợi mở, yêu cầu HS nêu các yêu cầu của việc tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Yêu cầu: thực hiện đúng quy trình tìm kiếm thông tin; tìm kiếm được các thông tin thị trường lao động; các thông tin chính xác, tin cậy.

2.3.3. Quy trình tìm kiếm thông tin

– **Mục tiêu:** Giúp HS tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ theo quy trình tìm kiếm thông tin.

– **Nội dung:** Quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– **Sản phẩm:** Các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm.

+ GV hướng dẫn, tổ chức cho HS tìm kiếm các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ theo quy trình tìm kiếm thông tin.

+ GV yêu cầu HS tìm hiểu và trình bày các bước của quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

+ GV tổ chức học tập theo nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu Bảng 3.1. Quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động.

+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu các bước của quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động.

- Bước 1. Xác định mục tiêu tìm kiếm: GV gợi mở để HS xác định được thông tin cần tìm kiếm về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ bao gồm: thông tin về tình trạng xu hướng việc làm của nghề nghiệp, nhu cầu tuyển dụng nghề nghiệp, các cơ sở đào tạo đang đào tạo nghề nghiệp, tiền lương và tiền công.
 - Bước 2. Xác định nguồn thông tin: GV dẫn dắt để HS nêu được nguồn cung cấp thông tin tìm kiếm chính xác, tin cậy; các nguồn thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ bao gồm: bản tin thị trường lao động Việt Nam; tạp chí, báo cáo tình hình kinh tế – xã hội; Website Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (<https://molisa.gov.vn>).
 - Bước 3. Xác định công cụ tìm kiếm: GV gợi mở để HS lựa chọn được công cụ tìm kiếm (internet; đến thư viện; đặt mua tạp chí, báo cáo,...) phù hợp với nguồn thông tin, điều kiện tìm kiếm.
 - Bước 4. Tiến hành tìm kiếm: GV dẫn dắt để HS tìm kiếm được các thông tin cần tìm kiếm và ghi rõ kết quả nội dung thông tin cần tìm kiếm:
 - ✓ Tình trạng xu hướng việc làm của nghề nghiệp: tỉ lệ tuyển dụng lao động của doanh nghiệp theo yêu cầu trình độ.
 - ✓ Nhu cầu tuyển dụng nghề nghiệp: nhóm ngành, nhóm nghề hoặc nghề có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất.
 - ✓ Các cơ sở đào tạo đang đào tạo nghề nghiệp: chương trình đào tạo, trình độ, thời gian đào tạo của các ngành nghề.
 - ✓ Tiền lương và tiền công: các số liệu về thu nhập trung bình theo tháng của lao động làm công hưởng lương.
- + GV tổ chức cho HS tìm kiếm các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ theo quy trình tìm kiếm thông tin.
 - + GV nêu mục tiêu thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm thông tin: Mỗi nhóm HS tìm kiếm được thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ theo quy trình tìm kiếm thông tin.
 - + GV nêu yêu cầu về trật tự, thời gian,...
 - + GV nêu tiêu chí đánh giá theo Bảng 3.2 trong SGK.
 - + GV yêu cầu HS triển khai tìm kiếm các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ theo quy trình tìm kiếm thông tin.
 - + GV nên khuyến khích HS phát huy năng lực tự học, chủ động, tích cực hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ.
 - + GV hỗ trợ, theo dõi HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV yêu cầu các nhóm HS nộp sản phẩm thông tin tìm kiếm được khi hết thời gian quy định.

– **Kết luận:** Các bước thực hiện quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ:

+ Bước 1. Xác định mục tiêu tìm kiếm.

+ Bước 2. Xác định nguồn thông tin.

+ Bước 3. Xác định công cụ tìm kiếm.

+ Bước 4. Tiến hành tìm kiếm.

3. Luyện tập

– **Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam và tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.

– **Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK.

– **Sản phẩm:** Đáp án bài tập phần Luyện tập trong SGK.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp và học tập theo nhóm nhỏ.

+ GV dẫn dắt, gợi mở để HS trả lời các câu hỏi trong SGK.

● *Câu 1: Hãy nêu khái niệm thị trường lao động. Trong thị trường lao động, người lao động là ai và người sử dụng lao động là ai?*

Gợi ý:

✓ Thị trường lao động là thị trường trao đổi hàng hoá “sức lao động” giữa người lao động và người sử dụng lao động thông qua các hoạt động tuyển chọn, thoả thuận về tiền lương và các điều kiện làm việc khác.

✓ Người lao động là người cung sức lao động cho người sử dụng lao động. Người sử dụng lao động là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân.

● *Câu 2: Hãy nêu các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động. Vì sao sự đổi mới công nghệ lại ảnh hưởng đến thị trường lao động?*

Gợi ý:

✓ Các yếu tố: sự phát triển của khoa học và công nghệ; sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế; nhu cầu lao động, nguồn cung lao động.

✓ Đổi mới công nghệ làm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm làm tăng nhu cầu lao động chất lượng cao, có trình độ kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ.

● *Câu 3: Hãy nêu những vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam hiện nay.*

Gợi ý: xu hướng tuyển dụng người lao động đã qua đào tạo, có kinh nghiệm chiếm tỉ lệ rất cao; xu hướng nguồn cung lao động lớn hơn nhu cầu tuyển dụng; chất lượng lao động thấp, lao động phân bố không đồng đều ở các lĩnh vực và trình độ đào tạo.

● *Câu 4: Hãy chọn một ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và tìm kiếm thông tin, trình bày kết quả tìm kiếm được về ngành nghề đó.*

Gợi ý:

✓ Chọn một ngành nghề trong danh mục nghề nghiệp Việt Nam thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

✓ Tìm kiếm thông tin, trình bày kết quả tìm kiếm được về ngành nghề đó theo các bước của quy trình tìm kiếm thông tin về thị trường lao động.

✓ Tự đánh giá kết quả tìm kiếm các thông tin đó theo các tiêu chí đánh giá kết quả tìm kiếm thông tin về thị trường lao động.

4. Vận dụng

– **Mục tiêu:** Giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức về thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ vào thực tiễn.

– **Nội dung:** Bài tập phần Vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

– **Sản phẩm:** Đáp án bài tập vận dụng và bài tập về nhà.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Hướng dẫn làm bài tập ở nhà.

+ GV gợi mở, hướng dẫn HS tìm hiểu và chia sẻ nhu cầu lao động của một ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ trong một bản tin thị trường lao động Việt Nam để lựa chọn ngành nghề và trình độ đào tạo có thể tiếp tục học tập sau cấp trung học cơ sở.

Gợi ý:

✓ Tìm kiếm một bản tin thị trường lao động Việt Nam ở thời gian gần nhất theo quý, năm của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

✓ Tìm hiểu và liệt kê các thông tin về xu hướng tuyển dụng lao động của các ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ ở nhóm ngành, nhóm nghề, nghề có xu hướng tuyển dụng nhiều nhất trong bản tin thị trường lao động.

✓ Chọn một chương trình đào tạo, trình độ đào tạo tiếp tục học tập sau cấp trung học cơ sở để có một ngành nghề ở nhóm ngành, nhóm nghề, nghề có xu hướng tuyển dụng nhiều nhất trong bản tin thị trường lao động.

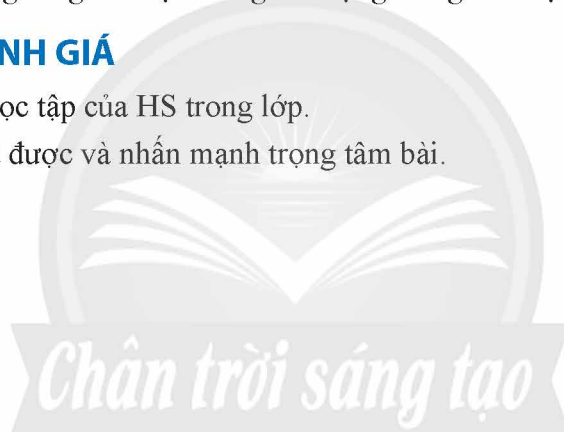
+ GV hướng dẫn HS làm bài tập cá nhân ở nhà.

5. Kết luận chung

- **Mục tiêu:** Tổng kết những kiến thức cốt lõi của bài học.
- **Nội dung:**
 - + Thị trường lao động.
 - + Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam hiện nay.
 - + Tìm kiếm những thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- **Sản phẩm:** Nội dung phần Ghi nhớ trong SGK.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung của phần Ghi nhớ trong SGK.
 - + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Mở đầu (SGK): *Tình huống ở Hình 3.1 đã cung cấp những thông tin gì về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?*

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.



Chủ đề 4

LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ

(4 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Tóm tắt được một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp.
- Giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.
- Nhận ra và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- *Nhân ái*: Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống của cá nhân.
- *Chăm chỉ*: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ vào cuộc sống.
- *Tự chủ và tự học*: Tự lực, chủ động, tích cực tìm hiểu kiến thức lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ; nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân; nắm được một số thông tin về các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- *Giao tiếp và hợp tác*: Biết trình bày thông tin, thảo luận những vấn đề về lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ; biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

3. Năng lực công nghệ

- *Nhận thức công nghệ*: Tóm tắt được lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp; các bước trong quy trình chọn lựa nghề nghiệp.
- *Giao tiếp công nghệ*: Sử dụng được một số thuật ngữ về lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Trong quá trình giảng dạy GV cần tham khảo một số thông tin về lí thuyết cây nghề nghiệp (Phoenix Ho, 2011), mật mã Holland (John Holland, 1985), các nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong *Danh mục nghề nghiệp Việt Nam* được ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Gợi ý phân bố bài giảng:

+ Tiết 1: 1. Lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp

1.1. Lí thuyết cây nghề nghiệp

+ Tiết 2: 1.2. Lí thuyết mật mã Holland

+ Tiết 3: 2. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp

+ Tiết 4: 3. Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài.
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SGK và SBT là tài liệu tham khảo chính.
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh minh hoạ tình huống trao đổi giữa HS và GV về lựa chọn nghề nghiệp; minh hoạ cây nghề nghiệp; minh hoạ mật mã Holland.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SGK.
- Tìm hiểu thông tin về lí thuyết cơ bản trong lựa chọn nghề nghiệp, quy trình lựa chọn nghề nghiệp; các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo.
- Sử dụng kết hợp các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực hoá người học.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- **Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- **Nội dung:** Tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SGK.
- **Sản phẩm:** Nhu cầu tìm hiểu về lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV cho HS xem hình ảnh minh hoạ tình huống trao đổi giữa HS và GV về lựa chọn nghề nghiệp, nêu tình huống ở phần Mở đầu trong SGK.
 - + GV đặt vấn đề về lựa chọn nghề nghiệp.
 - + GV dẫn dắt và giới thiệu mục tiêu bài học.

2. Hình thành kiến thức

2.1. Lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp

2.1.1. Lí thuyết cây nghề nghiệp

- **Mục tiêu:** Giúp HS tóm tắt được lí thuyết cây nghề nghiệp.
- **Nội dung:** Cây nghề nghiệp.
- **Sản phẩm:** Tóm tắt lí thuyết cây nghề nghiệp.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.
 - + GV dẫn dắt, giới thiệu cây nghề nghiệp; vai trò của lí thuyết cây nghề nghiệp đối với HS trong việc quyết định lựa chọn ngành nghề, bậc học và trình độ đào tạo.
 - + GV gợi mở, yêu cầu HS quan sát Hình 4.2, tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để thực hiện yêu cầu trong SGK.

● *Hãy nêu những cơ sở lựa chọn nghề nghiệp và thành quả đạt được theo lí thuyết cây nghề nghiệp minh hoạ ở Hình 4.2.*

Gợi ý:

- ✓ Cơ sở: sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp.
- ✓ Thành quả đạt được: môi trường làm việc tốt, cơ hội việc làm, lương cao, công việc ổn định, được nhiều người tôn trọng.
- + GV gợi mở, dẫn dắt giúp HS phân tích mỗi yếu tố của rễ cây (cơ sở lựa chọn nghề nghiệp) tác động đến quả của cây (thành quả đạt được).
- + GV dẫn dắt: để lựa chọn được nghề nghiệp phù hợp, phải hiểu rõ khả năng, sở thích, cá tính, giá trị nghề nghiệp của bản thân.
- + GV gợi mở, yêu cầu HS nêu các hậu quả của việc lựa chọn nghề nghiệp không phù hợp với khả năng, sở thích của bản thân.

Gợi ý: khó phát triển nghề nghiệp; thiếu động lực, hứng thú làm việc.

- + GV dẫn dắt, gợi mở HS phân tích đặc điểm của cây nghề nghiệp, từ đó nêu được cơ sở lựa chọn nghề nghiệp là dựa trên những yếu tố ở phần rễ cây nghề nghiệp.
- + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Cây nghề nghiệp mô tả mối liên hệ giữa đặc điểm cá nhân với nghề nghiệp của mỗi người. Lí thuyết cây nghề nghiệp là lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp, giúp học sinh có cơ sở trong việc quyết định lựa chọn ngành nghề, bậc học và trình độ đào tạo phù hợp. Cơ sở lựa chọn nghề nghiệp là dựa trên những yếu tố ở phần rễ cây nghề nghiệp.

2.1.2. Lí thuyết mật mã Holland

- **Mục tiêu:** Giúp HS tóm tắt được lí thuyết mật mã Holland.
- **Nội dung:** Các nhóm tính cách và nghề nghiệp điển hình theo lí thuyết mật mã Holland.

– **Sân phẩm:** Tóm tắt lí thuyết mật mã Holland.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV dẫn dắt, giới thiệu vai trò của lí thuyết mật mã Holland trong việc lựa chọn nghề nghiệp của bản thân.

+ GV gợi mở, tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ trong SGK:

- *Hãy nêu tên một số nghề nghiệp phù hợp với từng nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland như minh hoạ ở Hình 4.3.*

Gợi ý:

✓ GV gợi ý HS tìm hiểu các kiểu người có ở hình minh hoạ mật mã Holland (Hình 4.3). Mỗi kiểu người đều có đặc điểm tính cách thuộc một nhóm tính cách, nêu tên các nhóm tính cách.

✓ GV gợi mở HS nêu tên một số nghề nghiệp phù hợp với từng nhóm tính cách:

Thực tế: kĩ sư cơ khí, kĩ thuật viên kĩ thuật điện, thợ hàn. Điều tra: nhà hoá học, nhà toán học, nhà vật lí học. Nghệ sĩ: hoạ sĩ, ca sĩ, nhạc sĩ. Xã hội: nhà báo, nhà tâm lí học, nhà kinh tế học. Doanh nhân: giám đốc, phó giám đốc công ty của doanh nghiệp, xí nghiệp. Nguyên tắc: kế toán, kiểm toán, nhà ngoại giao, công chứng viên,...

+ GV gợi mở, yêu cầu HS tìm hiểu một số nghề nghiệp điển hình theo sáu nhóm tính cách hoặc theo kiểu người (Bảng 4.1), trình bày các nghề nghiệp phù hợp với từng nhóm tính cách hoặc kiểu người.

+ GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi trong SGK:

- *Trong sáu nhóm tính cách nghề nghiệp đó, em phù hợp nhất với nhóm nào?*

Gợi ý:

✓ Liệt kê các đặc điểm tính cách nghề nghiệp của bản thân.

✓ Đối chiếu với Bảng 4.1 để xác định nhóm tính cách nghề nghiệp của bản thân.

+ GV dẫn dắt, yêu cầu HS phân tích và trình bày được lí thuyết mật mã Holland, một số nghề nghiệp điển hình theo đặc điểm tính cách nghề nghiệp.

+ GV gợi mở để HS nêu được lợi ích của việc lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với tính cách.

+ GV giới thiệu thêm một số đặc điểm của sáu kiểu người.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Theo lí thuyết mật mã Holland, mỗi cá nhân đều có thể được xếp vào một trong sáu nhóm tính cách nghề nghiệp hoặc sáu kiểu người: kĩ thuật, nghiên cứu, nghệ thuật, xã hội, quản lí, nghiệp vụ.

2.2. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp

– **Mục tiêu:** Giúp HS giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.

- **Nội dung:** Các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.
- **Sân phẩm:** Giải thích quy trình lựa chọn nghề nghiệp.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm.
 - + GV dẫn dắt, yêu cầu HS tìm hiểu và trình bày các bước của quy trình lựa chọn nghề nghiệp.
 - + GV tổ chức cho HS học tập theo nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu Bảng 4.2 (quy trình lựa chọn nghề nghiệp).
 - + GV hướng dẫn HS tìm hiểu các bước của quy trình lựa chọn nghề nghiệp.
 - ✓ Bước 1. Đánh giá bản thân: GV gọi mở để HS xác định được các nội dung cần tìm hiểu, đánh giá về bản thân bao gồm: năng lực, sở thích cá nhân, điều kiện và truyền thống gia đình phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp.
 - ✓ Bước 2. Tìm hiểu thị trường lao động: GV dẫn dắt để HS nêu được các loại thông tin thị trường lao động về nghề nghiệp (phù hợp với bản thân) cần tìm hiểu bao gồm: Thông tin về nhóm ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng cao và triển vọng thị trường, thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động.
 - ✓ Bước 3. Quyết định nghề nghiệp: GV gọi mở để HS nêu được tên nghề nghiệp phù hợp do bản thân quyết định lựa chọn, thuộc nhóm ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng, lương cao.
 - + GV dẫn dắt, yêu cầu HS giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.
 - + GV gọi mở, yêu cầu HS hoạt động cá nhân, thực hành lựa chọn nghề.
 - + GV dẫn dắt, yêu cầu mỗi HS lựa chọn nghề theo quy trình lựa chọn nghề nghiệp.
 - + GV khuyến khích HS phát huy năng lực tự học, chủ động, tích cực hoạt động để thực hiện nhiệm vụ.
 - + GV hỗ trợ, theo dõi hoạt động của HS.
 - + GV yêu cầu các HS trình bày kết quả lựa chọn nghề nghiệp.
 - + GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá kết quả lựa chọn nghề nghiệp.
- **Kết luận:** Quy trình lựa chọn nghề nghiệp:
 - + Bước 1. Đánh giá bản thân.
 - + Bước 2. Tìm hiểu thị trường lao động.
 - + Bước 3. Quyết định nghề nghiệp.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

- **Mục tiêu:** Giúp HS nhận ra và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– **Nội dung:** Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– **Sản phẩm:** Giải thích yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 4.1. Minh họa tình huống trao đổi giữa HS và GV về lựa chọn nghề nghiệp, tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để trả lời câu hỏi trong SGK.

● *Hãy nêu những yếu tố (của bạn HS) có trong tình huống minh họa ở Hình 4.1.*

Gợi ý: sở thích; năng lực (yếu tố chủ quan).

+ GV dẫn dắt HS yếu tố chủ quan bao gồm: năng lực, sở thích, cá tính.

+ GV gợi mở, yêu cầu HS tìm hiểu đặc điểm tính cách của một số kiểu người (Bảng 4.1), xác định được các đặc điểm về năng lực, sở thích, cá tính của mỗi kiểu người có nghề nghiệp tương ứng phù hợp.

+ GV dẫn dắt để HS nêu được các yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

+ GV yêu cầu HS liệt kê các đặc điểm về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, các nghề nghiệp bản thân yêu thích.

+ GV dẫn dắt, gợi mở để HS nhận ra và giải thích được các yếu tố chủ quan (đặc điểm về năng lực, sở thích, cá tính) ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

+ GV dẫn dắt, gợi mở để HS nhận ra và giải thích được các yếu tố khách quan (gia đình, bạn bè, nhà trường, xã hội) ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

+ GV dẫn dắt, yêu cầu HS phân tích và trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

+ GV giới thiệu thêm nguồn tra cứu kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội ở nước ta và ở địa phương.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Những yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ bao gồm: yếu tố chủ quan (năng lực, sở thích, cá tính) và yếu tố khách quan (gia đình, bạn bè, nhà trường, xã hội).

3. Luyện tập

– **Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– **Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK.

– **Sản phẩm:** Đáp án bài tập phần Luyện tập trong SGK.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp và học tập theo nhóm nhỏ.

+ GV dẫn dắt, gợi mở để HS trả lời các câu hỏi trong SGK.

● *Câu 1: Người lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ cần có những năng lực, sở thích và tính cách nào?*

Gợi ý:

✓ Năng lực: có trình độ chuyên môn phù hợp và khả năng tiếp cận công nghệ mới; có năng lực sáng tạo, làm việc theo nhóm và tự học; có sức khoẻ tốt, thị giác, thính giác tốt, có hệ vận động khoẻ mạnh;...

✓ Sở thích: thích làm việc với các máy móc, thiết bị, công cụ; thích chăm sóc cây trồng, vật nuôi.

✓ Tính cách: tự tin, sâu sắc, cầu toàn,...

● *Câu 2: Hãy trình bày nội dung các bước của quy trình lựa chọn nghề nghiệp.*

Gợi ý:

✓ Bước 1. Tìm hiểu năng lực, sở thích cá nhân, điều kiện và truyền thống gia đình phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp.

✓ Bước 2. Tìm hiểu thông tin thị trường lao động về nghề nghiệp được đánh giá phù hợp với bản thân.

✓ Bước 3. Quyết định lựa chọn nghề nghiệp phù hợp bản thân; thuộc nhóm ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng; lương cao.

● *Câu 3: Yếu tố gia đình, bạn bè, nhà trường và xã hội ảnh hưởng như thế nào tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?*

Gợi ý:

✓ Bản thân bị ảnh hưởng và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ theo truyền thống nghề nghiệp của gia đình; điều kiện kinh tế của gia đình đáp ứng cho bản thân để duy trì quá trình học tập ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

✓ Bản thân bị ảnh hưởng và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ theo xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của bạn bè; hoặc lời khuyên lựa chọn nghề nghiệp lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ của bạn bè.

✓ Bản thân bị ảnh hưởng và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ khi điều kiện xã hội, thị trường lao động có nhu cầu tuyển dụng đối với các ngành nghề lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ và để đảm bảo cho bản thân có việc làm trong tương lai.

4. Vận dụng

– **Mục tiêu:** Giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ cho bản thân.

- **Nội dung:** Bài tập phần Vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.
- **Sản phẩm:** Đáp án bài tập vận dụng và bài tập về nhà.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Hướng dẫn làm bài tập ở nhà.
 - + GV gợi mở, hướng dẫn HS chọn một ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ phù hợp với bản thân theo các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.

Gợi ý:

- ✓ Tham khảo danh mục nghề nghiệp Việt Nam (Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020) để chọn một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- ✓ Đánh giá sự phù hợp của bản thân về năng lực, sở thích cá nhân, điều kiện và truyền thống gia đình với yêu cầu của một số ngành nghề đã chọn.
- ✓ Tìm hiểu thị trường lao động để xác định nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực của các ngành nghề đã chọn.
- ✓ Quyết định lựa chọn một ngành nghề.
- + GV hướng dẫn HS làm bài tập cá nhân ở nhà.

5. Kết luận chung

- **Mục tiêu:** Tổng kết những kiến thức cốt lõi của bài học.
- **Nội dung:**
 - + Lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp.
 - + Quy trình lựa chọn nghề nghiệp.
 - + Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- **Sản phẩm:** Nội dung phần Ghi nhớ trong SGK.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung của phần Ghi nhớ trong SGK.
 - + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Mở đầu (SGK): *Quan sát Hình 4.1, em hãy cho biết cô giáo tư vấn cho bạn học sinh dựa trên những yếu tố nào.*

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

DỰ ÁN. NGHỀ NGHIỆP TƯƠNG LAI CỦA EM

(2 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng định hướng nghề nghiệp để tìm hiểu và tự đánh giá được mức độ phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- Rèn luyện tính tự lực, tự chủ và tự học trong việc thực hiện dự án.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- *Chăm chỉ*: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ để thực hiện dự án.
- *Tự chủ và tự học*: Tự lực, chủ động, tích cực thực hiện dự án; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập về định hướng nghề nghiệp; nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân; nắm được một số thông tin chính về các ngành nghề ở địa phương, ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- *Giao tiếp và hợp tác*: Trình bày được kết quả tự đánh giá mức độ phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Phân tích được tình huống đã cho để lập được kế hoạch thực hiện dự án; đánh giá được kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch của dự án.

3. Năng lực công nghệ

- *Nhận thức công nghệ*: Nhận thức được nội dung về nghề nghiệp lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ phù hợp cho người có tính cách thuộc các nhóm tính cách nghề nghiệp trong thực tế; các tiêu chí tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân, bối cảnh gia đình với ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- *Đánh giá công nghệ*: Nhận xét, đánh giá được bản báo cáo mức độ phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Dự án nghề nghiệp tương lai của em thuộc loại dự án kiến tạo. HS phải vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về định hướng nghề nghiệp kết hợp với năng lực giải quyết vấn đề để thực hiện dự án dưới sự hướng dẫn của GV. Do đó, HS cần thời gian thực hiện trên lớp và ngoài giờ lên lớp để hoàn thành sản phẩm của dự án. Trong điều kiện kế hoạch dạy học của phần định hướng nghề nghiệp, GV có thể công bố dự án từ khi bắt đầu chủ đề 1, kết hợp với thời gian ở các chủ đề khác để triển khai thực hiện dự án. Như vậy 2 tiết của dự án được dành cho hoạt động *Giới thiệu dự án* và *Báo cáo và đánh giá kết quả dự án*. Ngoài ra GV cũng có thể sử dụng dự án học tập như một đề bài kiểm tra năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng của HS sau khi học xong phần định hướng nghề nghiệp.

Với dự án Nghề nghiệp tương lai của em, GV cần tìm hiểu các ngành nghề liên quan thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong danh mục nghề nghiệp Việt Nam; nhu cầu của thị trường lao động ở các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ để hỗ trợ HS thực hiện dự án.

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

Các nguồn tài liệu tham khảo về ngành nghề, nhu cầu thị trường lao động của các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Giấy, viết,...
- Thiết bị hỗ trợ: máy tính có kết nối internet.
- Tài liệu tham khảo về các ngành nghề, nhu cầu thị trường lao động của các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Giới thiệu dự án

- **Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết chủ đề dự án, các nhiệm vụ phải thực hiện để hoàn thành dự án.
- **Nội dung:** Chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ của dự án.
- **Sản phẩm:** Mục tiêu, nhiệm vụ của dự án.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV nêu chủ đề của dự án, mục tiêu của dự án.
 - + GV nêu các nhiệm vụ cần thực hiện để hoàn thành dự án.
 - + GV nêu tiêu chí đánh giá kết quả dự án.
 - + GV giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo.

2. Xây dựng kế hoạch

- **Mục tiêu:** Hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện dự án.
- **Nội dung:** Các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, tài liệu tham khảo cần thiết.
- **Sản phẩm:** Kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ của dự án.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV hướng dẫn HS xây dựng kế hoạch đánh giá mức độ phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
 - Liệt kê các công việc cần làm để thực hiện dự án.
 - Lập kế hoạch thời gian, xác định các mốc thời gian, địa điểm tiến hành cho từng công việc của dự án.

- + GV kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch thực hiện dự án.
- **Kết luận:** Kế hoạch thực hiện dự án bao gồm một số nội dung chính: công việc cần làm, thời gian thực hiện, địa điểm tiến hành.

3. Thực hiện dự án

- **Mục tiêu:** Hướng dẫn HS thực hiện dự án.
 - **Nội dung:** Thực hiện các bước đánh giá mức độ phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
 - **Sản phẩm:** Bài thuyết trình kết quả đánh giá mức độ phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
 - **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV gợi mở, hướng dẫn HS tìm hiểu một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ; phân tích đặc điểm và những yêu cầu chung đối với người lao động.
 - + GV lưu ý HS:
 - Ngành nghề giới thiệu phải có trong Danh mục nghề nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và cập nhật những quy định mới nhất của nhà nước.
 - Phân tích đặc điểm chung về sản phẩm lao động; đối tượng lao động và môi trường lao động.
 - Phân tích những yêu cầu chung về năng lực, phẩm chất đối với người lao động.
 - + GV dẫn dắt, hướng dẫn HS tự đánh giá mức độ phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ theo trình tự các bước như sau:
 - Bước 1. Đánh giá bản thân: GV gợi mở, giúp HS tìm hiểu năng lực, sở thích, cá tính của bản thân và thực hiện được trắc nghiệm theo Mẫu 1 (Tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ); tìm hiểu bối cảnh của gia đình, thực hiện trắc nghiệm theo Mẫu 2 (Tự đánh giá mức độ phù hợp bối cảnh gia đình với ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ).
- GV lưu ý HS yêu cầu thực hiện tự đánh giá bản thân trung thực và khách quan.
- Bước 2. Tìm hiểu thị trường lao động: GV dẫn dắt, gợi mở để HS giới thiệu được một số ngành nghề phổ biến thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ, bao gồm: tên ngành nghề, đặc điểm của ngành nghề.
- GV lưu ý HS:
- Ngành nghề HS giới thiệu nên theo hướng phù hợp với bản thân, thuộc nhóm ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng, lương cao. GV hướng dẫn HS tìm kiếm thông tin từ bản tin thị trường lao động Việt Nam để xác định những nhóm ngành nghề, nhóm nghề, nghề có nhu cầu tuyển dụng cao; mức lương cao. Giới thiệu về: sản phẩm lao động, đối tượng lao động và môi trường lao động của mỗi ngành nghề.

- Bước 3. Quyết định nghề nghiệp: GV gợi mở để giúp HS nêu được kết luận về sự phù hợp của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ (đánh giá phù hợp hay không phù hợp).

- + GV yêu cầu HS thực hiện dự án theo kế hoạch đã đề ra.
- + GV hỗ trợ HS tự giám sát, quản lí quá trình thực hiện dự án.

– **Kết luận:**

Thực hiện dự án theo trình tự các bước:

- + Bước 1. Đánh giá bản thân.
- + Bước 2. Tìm hiểu thị trường lao động.
- + Bước 3. Quyết định nghề nghiệp.

4. Báo cáo và đánh giá dự án

– **Mục tiêu:** Giúp HS trình bày, báo cáo kết quả thực hiện dự án; giúp HS đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả dự án.

– **Nội dung:**

- + Báo cáo giới thiệu một số ngành nghề phổ biến thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- + Báo cáo kết quả tự đánh giá mức độ phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– **Sản phẩm:** Bài thuyết trình báo cáo kết quả thực hiện dự án.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** Tổ chức dạy học toàn lớp.

- + GV dẫn dắt, yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện dự án bao gồm các sản phẩm:
 - Báo cáo giới thiệu một số ngành nghề phổ biến thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
 - Báo cáo kết quả tự đánh giá mức độ phù hợp về năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình đối với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- + GV dẫn dắt, yêu cầu các HS khác nhận xét, đánh giá báo cáo kết quả thực hiện dự án của bạn, bao gồm:
 - Kết quả sản phẩm của dự án.

Gợi ý: Theo tiêu chí đánh giá dự án đã đề ra ban đầu.

 - Trình bày kết quả dự án trước lớp.

Gợi ý: Diễn đạt tự tin, trôi chảy, thuyết phục.
- + GV nhận xét, đánh giá kết quả báo cáo sản phẩm dự án của HS.

E. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét quá trình thực hiện dự án của cả lớp.
- Đánh giá kết quả đạt được.

ÔN TẬP

(1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Trình bày tóm tắt được những kiến thức đã học về định hướng nghề nghiệp.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng trong phần Định hướng nghề nghiệp để giải quyết các câu hỏi và bài tập xoay quanh chủ đề về định hướng nghề nghiệp.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- *Chăm chỉ*: Có ý thức về nhiệm vụ học tập; có ý thức học tốt nội dung hướng nghiệp; vận dụng kiến thức, kĩ năng về định hướng nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp.
- *Tự chủ và tự học*: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập; tự tìm hiểu để vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học về định hướng nghề nghiệp vào thực tiễn.
- *Giao tiếp và hợp tác*: Biết trình bày ý tưởng, trao đổi thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

B. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Nghiên cứu kĩ trọng tâm của phần Định hướng nghề nghiệp.
- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và bài tập ôn tập: SGK và SBT là tài liệu tham khảo chính.

2. Chuẩn bị của học sinh

Ôn lại các chủ đề đã học, đọc trước bài ôn tập.

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

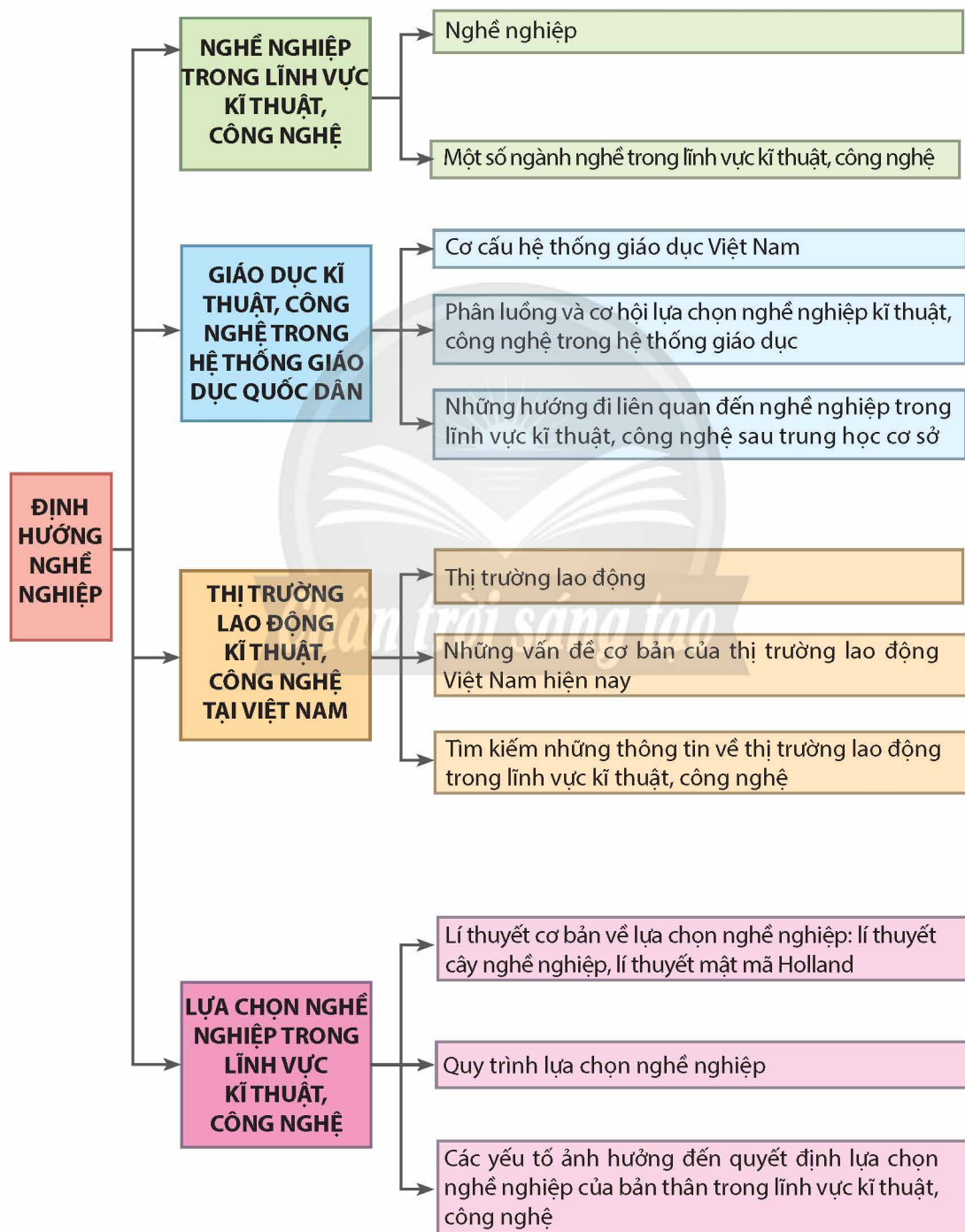
Sử dụng kết hợp các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực hoá người học.

D. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng của phần định hướng nghề nghiệp

- *Mục tiêu*: Giúp HS hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng đã học của phần Định hướng nghề nghiệp.
- *Nội dung*: Mỗi liên hệ giữa các khối kiến thức của phần Định hướng nghề nghiệp.
 - + Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
 - + Giáo dục kĩ thật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân.
 - + Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam.
 - + Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- *Sản phẩm*: Sơ đồ khối hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng của phần Định hướng nghề nghiệp.

- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức cốt lõi của phần Định hướng nghề nghiệp.
 - + GV đặt câu hỏi về mối liên hệ giữa các khối kiến thức và vẽ minh hoạ sơ đồ hệ thống hoá kiến thức về định hướng nghề nghiệp trong SGK.
 - + GV khai triển thêm các nhánh của sơ đồ để tái hiện những nội dung chi tiết của phần Định hướng nghề nghiệp.
- **Kết luận:** Nội dung phần Định hướng nghề nghiệp được tóm tắt theo sơ đồ dưới đây.



2. Câu hỏi ôn tập

- **Mục tiêu:** Giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức ở phần Định hướng nghề nghiệp.
- **Nội dung:** Câu hỏi ôn tập trong SGK và bài tập trong SBT.
- **Sản phẩm:** Đáp án cho các câu hỏi và bài tập.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp với hoạt động nhóm.
 - + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và làm bài tập ôn tập trong SGK theo từng cá nhân.
 - + GV kết hợp tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm để giải quyết một số câu hỏi và bài tập.
 - + GV phân tích, bổ sung đáp án các câu hỏi và bài tập.

E. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh kiến thức cốt lõi của phần Định hướng nghề nghiệp.



*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN ÁNH LINH – NGUYỄN THỊ KIM ANH

Thiết kế sách: CAO TIẾN DŨNG

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ – TÔNG THANH THẢO

Sửa bản in: NGUYỄN ÁNH LINH – NGUYỄN THỊ KIM ANH

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.



CÔNG NGHỆ 9 – ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP – SÁCH GIÁO VIÊN **(Chân trời sáng tạo)**

Mã số: G2HG9C004M24

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19x26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 06-2024/CXBIPH/62-2346/GD

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-40357-5



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 9 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---|---|
| 1. NGỮ VĂN 9, TẬP MỘT
Sách giáo viên | 11. CÔNG NGHỆ 9 – Trải nghiệm nghề nghiệp
Mô đun Nông nghiệp 4.0
Sách giáo viên |
| 2. NGỮ VĂN 9, TẬP HAI
Sách giáo viên | 12. CÔNG NGHỆ 9 – Trải nghiệm nghề nghiệp
Mô đun Cắt may
Sách giáo viên |
| 3. TOÁN 9
Sách giáo viên | 13. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 9
Sách giáo viên |
| 4. TIẾNG ANH 9
Friends Plus – Teacher's Guide | 14. ÂM NHẠC 9
Sách giáo viên |
| 5. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9
Sách giáo viên | 15. MĨ THUẬT 9 (1)
Sách giáo viên |
| 6. KHOA HỌC TỰ NHIÊN 9
Sách giáo viên | 16. MĨ THUẬT 9 (2)
Sách giáo viên |
| 7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9
Sách giáo viên | 17. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 9 (1)
Sách giáo viên |
| 8. TIN HỌC 9
Sách giáo viên | 18. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 9 (2)
Sách giáo viên |
| 9. CÔNG NGHỆ 9 – Định hướng nghề nghiệp
Sách giáo viên | |
| 10. CÔNG NGHỆ 9 – Trải nghiệm nghề nghiệp
Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà
Sách giáo viên | |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

ISBN 978-604-0-40357-5



9 786040 403575

Giá: 10.000đ